

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2025

BẢNG ĐIỂM THI KẾT MÔN KỸ NĂNG MỀM ĐỢT 2

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
1	19681012	Đỗ Phụng	Nhi	19/05/2001	15CDL01	8.4	Giỏi
2	20641135	Mã Thái	Son	28/11/2002	16CQT02	7.5	Khá
3	21611132	Phạm Tuấn	Kiệt	14/01/2003	17CKD05	8.9	Giỏi
4	21611234	Hoàng Thị Anh	Thư	27/08/2003	17CKD08	9.2	Giỏi
5	21613113	Đồng Thị	Huệ	25/12/2003	17CLG04	8.7	Giỏi
6	21641028	Phạm Hữu	Tài	08/02/2001	17CQT01	8.2	Giỏi
7	21641384	Nguyễn Quốc Bình	An	20/09/2003	17CQT13	8.8	Giỏi
8	21641566	Nguyễn Như	Ý	14/09/2003	17CQT20	8.9	Giỏi
9	22661083	Vương Gia	Lạc	26/04/2003	18CIT03	8.7	Giỏi
10	22611107	Lê Thị Kim	Ngọc	22/11/2004	18CKD04	8.7	Giỏi
11	22631294	Diệp Minh	Thuận	07/11/2004	18CKT10	9.0	Giỏi
12	22631377	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	18/04/2002	18CKT13	8.9	Giỏi
13	22613171	Võ Đức	Tín	04/07/2004	18CLG06	7.3	Khá
14	22641016	Lê Huỳnh Tuấn	Anh	27/10/2000	18CQT01	9.1	Giỏi
15	22641496	Nguyễn Thành	Khôi	27/10/2001	18CQT17	8.9	Giỏi
16	22641670	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	03/08/2003	18CQT23	8.5	Giỏi
17	22641675	Dương Hoàng Thảo	Vy	25/12/2003	18CQT23	8.5	Giỏi
18	22671018	Phạm Thành	Nhân	15/06/2003	18CTX01	7.3	Khá
19	22612025	Lê Hoàng Phương	Anh	29/11/2004	18CXN01	8.7	Giỏi
20	22612019	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	18CXN01	8.8	Giỏi
21	22612073	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	28/02/2004	18CXN03	8.8	Giỏi
22	22612114	Nguyễn Trọng	Danh	19/07/2004	18CXN04	6.1	Trung bình
23	23681028	Nguyễn Tú	Linh	20/01/2005	19CDL01	8.4	Giỏi
24	23651020	Nguyễn Tấn	Lộc	09/08/2003	19CIM01	8.4	Giỏi
25	23611082	Huỳnh Phi	Long	07/06/2004	19CKD03	8.6	Giỏi
26	23631369	Phạm Trinh Như	Ý	05/09/2005	19CKT13	7.7	Khá
27	23600081	Dương Nguyễn Thảo	Nghi	27/01/2004	19CMK03	9.0	Giỏi
28	23641103	Lê Hải	Đăng	10/04/2002	19CQT04	8.9	Giỏi
29	23641252	Nguyễn Phi Hồng	Ngọc	27/01/2005	19CQT09	7.8	Khá
30	23621131	Phạm Nguyễn Hồng	Ân	18/02/2005	19CTA05	8.9	Giỏi
31	23621130	Phạm Tường	Vi	04/07/2005	19CTA05	8.1	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
32	24634019	Nguyễn Thị Phương	Diễm	06/07/2005	20CAD01	8.0	Giỏi
33	24634017	Phạm Trần Thu	Hà	17/01/2006	20CAD01	8.6	Giỏi
34	24634021	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	27/08/2006	20CAD01	7.8	Khá
35	24634022	Trần Công	Hậu	28/04/2006	20CAD01	9.4	Giỏi
36	24634025	Phan Thùy	Linh	29/10/2006	20CAD01	8.6	Giỏi
37	24634011	Phùng Yến	Nhi	17/06/2005	20CAD01	7.4	Khá
38	24634012	Đinh Tú	Nhi	20/05/2004	20CAD01	8.5	Giỏi
39	24634013	Huỳnh Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	20CAD01	8.5	Giỏi
40	24634018	Huỳnh Lê Thảo	Tiên	26/08/2006	20CAD01	8.3	Giỏi
41	24634003	Trần Thị Thu	Thảo	16/04/2005	20CAD01	8.7	Giỏi
42	24634020	Lê Võ Thùy	Trang	16/01/2006	20CAD01	8.1	Giỏi
43	24634015	Đặng Thanh	Vân	10/02/2006	20CAD01	8.7	Giỏi
44	24600515	Âu Mỹ	Hạnh	07/06/2006	20CCF01	9.0	Giỏi
45	24600057	Nguyễn Huy	Hoàng	24/10/2004	20CCF01	8.9	Giỏi
46	24600468	Trần Như	Huyền	09/12/2005	20CCF01	6.5	Trung bình
47	24600537	Nguyễn Quỳnh	Như	23/01/2006	20CCF01	7.9	Khá
48	24600538	Đinh Quỳnh	Như	23/04/2006	20CCF01	7.9	Khá
49	24600234	Phạm Thị Mai	Thương	29/06/2006	20CCF01	4.9	Không đạt
50	24681010	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	03/01/2005	20CDL01	8.5	Giỏi
51	24681029	Bùi Thị Diễm	My	08/10/2006	20CDL01	8.3	Giỏi
52	24681027	Trần Hạo	Nam	11/08/2006	20CDL01	7.9	Khá
53	24681026	Bùi Thị Tĩnh	Ngọc	03/11/2006	20CDL01	7.6	Khá
54	24681005	Nguyễn Châu	Phú	07/09/2006	20CDL01	8.7	Giỏi
55	24681018	Nguyễn Hồ Nhật	Phương	17/11/2006	20CDL01	7.7	Khá
56	24681028	Hồ Bùi Nhật	Phương	01/09/2004	20CDL01	6.9	Trung bình
57	24681024	Nguyễn Hồ Minh	Quang	28/02/2006	20CDL01	7.7	Khá
58	24681001	Nguyễn Hoàng	Quân	12/12/1999	20CDL01	8.1	Giỏi
59	24681025	Phan Trọng	Toàn	13/06/2006	20CDL01	8.5	Giỏi
60	24681035	Phạm Đức Quang	Anh	15/09/2006	20CDL02	7.5	Khá
61	24681051	Nguyễn Thị	Chuyên	21/06/2005	20CDL02	7.3	Khá
62	24681055	Nguyễn Thị	Lương	29/10/2006	20CDL02	8.5	Giỏi
63	24681045	Nguyễn Trần Phương	Mai	31/07/2006	20CDL02	8.3	Giỏi
64	24681031	Nguyễn Đình	Nối	10/10/2006	20CDL02	7.9	Khá
65	24681033	Trần Yến	Nhi	09/10/2006	20CDL02	8.7	Giỏi
66	24681053	Nguyễn Thảo	Như	14/10/2005	20CDL02	8.8	Giỏi
67	24681036	Trang Sĩ	Phát	08/12/2006	20CDL02	7.3	Khá
68	24681054	Trần Đức	Phúc	23/10/2006	20CDL02	8.7	Giỏi
69	24681037	Y	Phượng	09/11/2006	20CDL02	8.3	Giỏi
70	24681047	Phạm Thị Như	Quỳnh	20/03/2006	20CDL02	7.9	Khá
71	24681038	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	24/01/2006	20CDL02	8.3	Giỏi
72	24681050	Phan Thị Thanh	Tuyền	24/07/2006	20CDL02	8.6	Giỏi
73	24681032	Trần Văn	Thành	04/08/2006	20CDL02	8.3	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
74	24681040	Biện Văn	Thảo	28/02/2006	20CDL02	7.3	Khá
75	24681046	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	19/08/2006	20CDL02	8.5	Giỏi
76	24681048	Nguyễn Thị	Thảo	28/10/2006	20CDL02	8.7	Giỏi
77	24681052	Trần Minh	Thuận	06/11/2004	20CDL02	8.6	Giỏi
78	24681044	Lê Anh	Thư	04/11/2006	20CDL02	8.7	Giỏi
79	24681041	Đào Thị Kim	Trang	23/02/1996	20CDL02	8.3	Giỏi
80	24635003	Trần Gia	Huy	13/03/2003	20CFB01	8.3	Giỏi
81	24635004	Trần Anh	Kiệt	24/08/2005	20CFB01	8.3	Giỏi
82	24635019	Nguyễn Phước	Lợi	27/03/2006	20CFB01	8.7	Giỏi
83	24635007	Nguyễn Đình	Quý	17/01/2004	20CFB01	7.7	Khá
84	24635052	Ngô Thuý	An	26/06/2006	20CFB02	8.5	Giỏi
85	24635034	Đinh Nguyễn Mỹ	Loan	27/06/2006	20CFB02	7.5	Khá
86	24635108	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/02/2006	20CFB04	8.3	Giỏi
87	24635110	Phan Giảng Thành	Nhân	11/07/2006	20CFB04	7.9	Khá
88	24635117	Trần Đỗ	Nhân	31/05/2006	20CFB04	6.5	Trung bình
89	24635112	Dương Đình	Nhựt	19/02/2005	20CFB04	8.2	Giỏi
90	24635116	Nguyễn Vũ Ngọc	Tài	12/09/2002	20CFB04	7.4	Khá
91	24635119	Dương Khánh	Toàn	16/10/2002	20CFB04	8.5	Giỏi
92	24635120	Huỳnh Lưu Lợi	Tuyền	24/06/2006	20CFB04	8.6	Giỏi
93	24635094	Hồ Thị Thanh	Thủy	25/06/2006	20CFB04	8.5	Giỏi
94	24635111	Trần Thị Yên	Vy	24/01/2006	20CFB04	8.1	Giỏi
95	24635148	Phạm Thị Minh	Châu	01/05/2006	20CFB05	9.1	Giỏi
96	24635150	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	24/11/2006	20CFB05	8.1	Giỏi
97	24635124	Nguyễn Ngọc Bảo	Duy	14/09/2006	20CFB05	8.7	Giỏi
98	24635131	Nguyễn Quốc	Đạt	15/05/2006	20CFB05	7.9	Khá
99	24635137	Võ Ngọc Thuý	Hằng	30/07/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
100	24635142	Đỗ Thị Ngọc	Huệ	15/11/2006	20CFB05	8.8	Giỏi
101	24635139	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/07/2006	20CFB05	9.3	Giỏi
102	24635146	Kiều Đình	Kiệt	10/04/2006	20CFB05	8.0	Giỏi
103	24635147	Trần Thị Thúy	Ngân	01/08/2006	20CFB05	9.3	Giỏi
104	24635126	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	04/01/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
105	24635143	Danh Mỹ	Ngọc	05/07/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
106	24635128	Võ Thị Yên	Nhi	03/03/2004	20CFB05	8.7	Giỏi
107	24635122	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	26/04/2005	20CFB05	6.9	Trung bình
108	24635144	Võ Hồng	Phúc	18/09/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
109	24635149	Lê Minh	Tiến	14/03/2006	20CFB05	8.9	Giỏi
110	24635127	Đỗ Ngọc Thanh	Tuyền	10/08/2006	20CFB05	7.2	Khá
111	24635145	Nguyễn Hồng	Tuyền	23/02/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
112	24635136	Phạm Thị Phương	Thảo	14/12/2006	20CFB05	7.8	Khá
113	24635140	Nguyễn Thanh	Thảo	16/02/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
114	24635125	Nguyễn Hồng	Thi	15/03/2006	20CFB05	8.3	Giỏi
115	24635135	Nguyễn Kim	Thoa	22/11/2006	20CFB05	8.9	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
116	24635138	Phạm Thị Thanh	Thùy	10/11/2006	20CFB05	8.6	Giỏi
117	24635133	Trương Thanh	Thư	03/04/2006	20CFB05	8.9	Giỏi
118	24635121	Nguyễn Thị Thủy	Trang	13/05/2006	20CFB05	8.5	Giỏi
119	24635123	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	14/04/2000	20CFB05	9.3	Giỏi
120	24635141	Nguyễn Văn Minh	Trí	21/06/2006	20CFB05	8.4	Giỏi
121	24635130	Lê Thị Thảo	Uyên	04/03/2006	20CFB05	8.7	Giỏi
122	24635132	Nguyễn Trường	Vũ	01/01/2006	20CFB05	8.6	Giỏi
123	24635155	Trương Hoài	Anh	20/05/2006	20CFB06	8.6	Giỏi
124	24635158	Phạm Nguyễn Vân	Anh	25/06/2005	20CFB06	8.0	Giỏi
125	24635170	Nguyễn Vũ Phương	Anh	21/09/2006	20CFB06	8.6	Giỏi
126	24635171	Nguyễn Văn	Cường	12/05/2004	20CFB06	8.5	Giỏi
127	24635162	Văn Lương Tuyết	Doanh	29/11/2006	20CFB06	8.5	Giỏi
128	24635179	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11/06/2002	20CFB06	8.3	Giỏi
129	24635163	Bùi Minh	Đức	09/08/2006	20CFB06	8.3	Giỏi
130	24635161	Trịnh Kiều	Hân	26/09/2006	20CFB06	8.6	Giỏi
131	24635154	Nguyễn Thị Mai	Hương	08/10/2006	20CFB06	9.0	Giỏi
132	24635172	Đỗ Thị Thu	Hương	16/07/2006	20CFB06	8.9	Giỏi
133	24635173	Huỳnh Hồng Quế	Hương	28/01/2006	20CFB06	7.9	Khá
134	24635156	Huỳnh Hoàng	Khang	06/06/2006	20CFB06	8.9	Giỏi
135	24635164	Ngô Đặng Trúc	Linh	07/12/2006	20CFB06	8.5	Giỏi
136	24635167	Nguyễn Hoàng	Ngọc	23/08/2006	20CFB06	8.5	Giỏi
137	24635175	Trần Thị Bích	Ngọc	11/09/2006	20CFB06	8.5	Giỏi
138	24635152	Ngô Trần Quỳnh	Như	04/09/2006	20CFB06	8.5	Giỏi
139	24635166	Ngô Thị Kiều	Oanh	18/05/2005	20CFB06	7.7	Khá
140	24635159	Nguyễn Phan Tiến	Phát	15/08/2006	20CFB06	8.7	Giỏi
141	24635168	Phạm Thuý	Quỳnh	22/12/2006	20CFB06	8.1	Giỏi
142	24635153	Phạm Thị Thanh	Tuyền	03/09/2006	20CFB06	8.3	Giỏi
143	24635174	Nguyễn Thị Diễm	Trang	26/11/2006	20CFB06	8.1	Giỏi
144	24635160	Võ Thị Ngọc	Trâm	05/02/2006	20CFB06	7.9	Khá
145	24635165	Nguyễn Ngọc	Trân	20/06/2006	20CFB06	8.6	Giỏi
146	24635151	Nguyễn Tiểu	Trân	04/02/2006	20CFB06	9.0	Giỏi
147	24635178	Hồ Chí	Trung	18/05/2006	20CFB06	8.4	Giỏi
148	24635157	Phạm Quang	Trường	28/10/2006	20CFB06	8.7	Giỏi
149	24635176	Lê Nguyễn Tường	Vân	18/05/2006	20CFB06	8.7	Giỏi
150	24635177	Phùng Ngọc Tiểu	Yến	14/02/2006	20CFB06	8.7	Giỏi
151	24635194	Nguyễn Hồng	Ân	17/05/2006	20CFB07	7.7	Khá
152	24635187	Nguyễn Anh	Dũng	02/05/2006	20CFB07	8.9	Giỏi
153	24635208	Lê Thị Thu	Hằng	30/08/2006	20CFB07	8.3	Giỏi
154	24635193	Dương Gia	Hân	13/10/2002	20CFB07	8.8	Giỏi
155	24635196	Đinh Phạm Bảo	Hân	05/01/2006	20CFB07	7.5	Khá
156	24635188	Phạm Tuyết	Hoa	22/06/2006	20CFB07	8.5	Giỏi
157	24635199	Huỳnh Minh	Hoàng	20/11/2004	20CFB07	8.8	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
158	24635186	Nguyễn Thị Phương	Kiều	03/05/2006	20CFB07	8.6	Giỏi
159	24635200	Nguyễn Trà	My	03/10/2005	20CFB07	8.3	Giỏi
160	24635185	Hoàng Ngọc Khánh	Ngân	13/02/2006	20CFB07	8.7	Giỏi
161	24635190	Mai Như	Ngọc	25/05/2003	20CFB07	8.6	Giỏi
162	24635195	Nguyễn Đồng Lan	Ngọc	07/08/2006	20CFB07	7.5	Khá
163	24635184	Đinh Thị Yên	Nhi	20/10/2006	20CFB07	9.0	Giỏi
164	24635189	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	19/05/2006	20CFB07	8.5	Giỏi
165	24635206	Trần Bảo	Nhi	20/05/2006	20CFB07	7.8	Khá
166	24635201	Lê Hồng	Nhung	06/07/2006	20CFB07	8.7	Giỏi
167	24635202	Phan Ngọc Quỳnh	Như	07/08/2006	20CFB07	8.7	Giỏi
168	24635203	Lê Gia	Phú	21/12/2006	20CFB07	8.5	Giỏi
169	24635197	Phạm Hồ Kim	Phụng	23/01/2004	20CFB07	8.7	Giỏi
170	24635205	Trịnh Đức	Tấn	18/12/2006	20CFB07	8.8	Giỏi
171	24635212	Lê Tấn	Thành	01/01/2004	20CFB07	7.4	Khá
172	24635209	Huỳnh Ngô Phương	Thảo	07/10/2005	20CFB07	8.6	Giỏi
173	24635182	Ngô Ngọc	Thắm	27/02/2006	20CFB07	8.6	Giỏi
174	24635207	Lê Hà Phương	Trang	21/11/2006	20CFB07	8.6	Giỏi
175	24635198	Huỳnh Thị	Uyên	11/07/2006	20CFB07	8.7	Giỏi
176	24635183	Phạm Thị Thúy	Vân	04/10/2002	20CFB07	8.7	Giỏi
177	24635192	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	01/01/2004	20CFB07	9.1	Giỏi
178	24635222	Phan Thị Kim	Chi	26/09/2006	20CFB08	8.1	Giỏi
179	24635211	Nguyễn Văn	Đạt	31/08/2006	20CFB08	8.3	Giỏi
180	24635216	Vũ Thị Cẩm	Hương	05/07/2006	20CFB08	7.6	Khá
181	24635215	Đặng Thị Yên	Nhi	20/06/2005	20CFB08	8.5	Giỏi
182	24635221	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	14/01/2006	20CFB08	8.7	Giỏi
183	24635214	Huỳnh Thị Tuyết	Như	01/04/2003	20CFB08	8.9	Giỏi
184	24635218	Ngô Hoàng	Quân	13/04/2006	20CFB08	8.5	Giỏi
185	24635220	Trần Thị Hồng	Thu	20/07/2006	20CFB08	8.8	Giỏi
186	24635224	Võ Thanh	Trúc	31/08/2004	20CFB08	7.5	Khá
187	24635225	Trịnh Thảo	Vy	29/05/2006	20CFB08	8.2	Giỏi
188	24651028	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/07/2006	20CIM01	8.4	Giỏi
189	24651018	Lý Đức	Bình	21/09/2004	20CIM01	8.9	Giỏi
190	24651030	Lê Thị Diệu	Đan	21/12/2006	20CIM01	8.8	Giỏi
191	24651005	Bùi Lê Tấn	Đạt	19/10/2002	20CIM01	8.8	Giỏi
192	24651031	Đoàn Nguyễn Ngọc	Hạ	04/06/2006	20CIM01	9.1	Giỏi
193	24651021	Phan Thị Kim	Huệ	15/06/2005	20CIM01	7.9	Khá
194	24651002	Nguyễn Thị Thanh	Hương	01/07/2005	20CIM01	8.2	Giỏi
195	24651026	Phạm Như	Kim	09/10/2006	20CIM01	8.9	Giỏi
196	24651024	Hoàng Nguyễn Đăng	Khoa	04/01/2005	20CIM01	8.1	Giỏi
197	24651020	Trương Thị Kim	Khương	09/02/2004	20CIM01	8.5	Giỏi
198	24651022	Trần Tuyết	Nghi	03/11/2006	20CIM01	8.0	Giỏi
199	24651029	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	22/11/2006	20CIM01	8.7	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
200	24651017	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/06/2005	20CIM01	8.8	Giỏi
201	24651003	Hà Thành	Tài	21/05/2006	20CIM01	8.5	Giỏi
202	24661020	Phạm Thị Kim	Ngân	05/04/2006	20CIT01	7.0	Khá
203	24661018	Nguyễn Thanh	Phong	04/11/2006	20CIT01	8.9	Giỏi
204	24661016	Lê Ngọc	Tài	03/08/2006	20CIT01	8.6	Giỏi
205	24661022	Huỳnh Ngọc	Tiên	06/01/2005	20CIT01	8.7	Giỏi
206	24661114	Nguyễn Vân	Trường	26/05/2002	20CIT01	8.1	Giỏi
207	24661069	Phan Văn Tài	Anh	10/11/2006	20CIT03	7.3	Khá
208	24661089	Vũ Trọng Minh	Châu	07/11/2006	20CIT03	8.1	Giỏi
209	24661087	Thái Phúc	Diệu	01/06/2006	20CIT03	7.6	Khá
210	24661068	Nguyễn Nhứt	Duy	22/01/2006	20CIT03	7.8	Khá
211	24661085	Lương Kim	Hằng	05/07/2006	20CIT03	8.4	Giỏi
212	24661067	Ngô Minh	Hiền	16/12/2004	20CIT03	8.5	Giỏi
213	24661082	Nguyễn Hoàng	Long	25/07/2006	20CIT03	8.7	Giỏi
214	24661078	Lâm Tấn	Lợi	05/06/2006	20CIT03	8.7	Giỏi
215	24661086	Trần Hạo	Nam	11/10/2006	20CIT03	6.9	Trung bình
216	24661076	Trần Ngô Thái	Nguyên	15/07/2006	20CIT03	8.7	Giỏi
217	24661080	Nguyễn Kim	Phượng	26/03/2006	20CIT03	8.9	Giỏi
218	24661083	Đỗ Tuấn	Tài	08/10/2004	20CIT03	8.4	Giỏi
219	24661074	Nguyễn Thành	Tâm	30/10/2006	20CIT03	9.1	Giỏi
220	24661088	Dương Nguyễn Quốc	Thành	04/07/2006	20CIT03	7.9	Khá
221	24661064	Lê Bảo	Trâm	21/09/2006	20CIT03	8.1	Giỏi
222	24661079	Nguyễn Minh	Trí	26/08/2006	20CIT03	8.5	Giỏi
223	24661071	Quách Văn	Trường	25/06/2006	20CIT03	8.5	Giỏi
224	24661090	Nguyễn Nguyên	Vũ	22/09/2006	20CIT03	9.1	Giỏi
225	24661081	Võ Thị Hoàng	Yến	17/05/2005	20CIT03	8.0	Giỏi
226	24661104	Nguyễn Huy	Kiệt	21/04/2006	20CIT04	8.4	Giỏi
227	24661095	Nguyễn Thanh	Quang	11/05/2006	20CIT04	9.1	Giỏi
228	24661093	Nguyễn Ngọc	Tân	14/04/2006	20CIT04	8.7	Giỏi
229	24661103	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	24/10/2006	20CIT04	8.7	Giỏi
230	24661094	Nguyễn Anh	Tuấn	13/12/2006	20CIT04	8.5	Giỏi
231	24661099	Lý Quốc	Tuấn	16/08/2006	20CIT04	8.6	Giỏi
232	24661109	Hồ Ngọc	Thành	08/12/2000	20CIT04	8.5	Giỏi
233	24661108	Trịnh Thị Thu	Thảo	25/09/2006	20CIT04	8.5	Giỏi
234	24661097	Nguyễn Phú	Vinh	17/06/2006	20CIT04	9.0	Giỏi
235	24611014	Võ Tú	Nhi	06/04/2005	20CKD01	7.9	Khá
236	24611035	Trần Thị Thanh	Lam	13/02/2006	20CKD02	8.6	Giỏi
237	24611149	Khon Thị Ngọc	Nga	04/04/2006	20CKD02	8.7	Giỏi
238	24611038	Nguyễn Trần Thảo	Vân	02/06/2006	20CKD02	9.0	Giỏi
239	24611070	Nguyễn Hoàng Diệu	Hân	17/11/2006	20CKD03	8.0	Giỏi
240	24611145	Nguyễn Thành	Luân	04/10/2006	20CKD03	8.5	Giỏi
241	24611119	Phạm Quốc	Hiền	04/07/2006	20CKD04	8.6	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
242	24611095	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	29/03/2006	20CKD04	8.7	Giỏi
243	24611100	Tăng Diễm	Hương	20/07/2006	20CKD04	8.5	Giỏi
244	24611120	Võ Đăng	Khoa	23/10/2006	20CKD04	8.4	Giỏi
245	24611112	Nguyễn Minh	Khôi	10/04/2006	20CKD04	8.5	Giỏi
246	24611114	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	13/03/2006	20CKD04	8.1	Giỏi
247	24611099	Tô Chí	Phát	18/09/2006	20CKD04	8.9	Giỏi
248	24611109	Lê Thị Bích	Phương	08/09/2006	20CKD04	8.8	Giỏi
249	24611110	Đặng Ngọc Như	Quỳnh	21/02/2006	20CKD04	7.3	Khá
250	24611105	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	26/11/2006	20CKD04	8.5	Giỏi
251	24611115	Nguyễn Cát	Tường	23/11/2006	20CKD04	8.7	Giỏi
252	24611121	Huỳnh Hồ Kim	Thanh	17/11/2006	20CKD04	9.1	Giỏi
253	24611116	Hồ Thu	Thảo	21/11/2006	20CKD04	9.3	Giỏi
254	24611106	Huỳnh Thị Kim	Thuận	01/10/2006	20CKD04	9.1	Giỏi
255	24611113	Lê Minh	Thư	13/09/2006	20CKD04	8.6	Giỏi
256	24611103	Võ Thị Ngọc	Trâm	05/11/2006	20CKD04	8.7	Giỏi
257	24611111	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Trâm	01/10/2006	20CKD04	8.3	Giỏi
258	24611117	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	06/08/2006	20CKD04	8.7	Giỏi
259	24611102	Trần Thị Ngọc	Trinh	07/03/2006	20CKD04	8.7	Giỏi
260	24611104	Nguyễn Đình Lâm	Trường	26/04/2006	20CKD04	7.9	Khá
261	24611118	Hồ Quốc	Việt	24/06/2006	20CKD04	6.7	Trung bình
262	24611101	Trần Ngọc Thuý	Vy	11/09/2006	20CKD04	8.5	Giỏi
263	24611141	Phan Tấn	An	30/10/2006	20CKD05	7.9	Khá
264	24611134	Đỗ Thị Ngọc	Hà	04/12/2006	20CKD05	7.9	Khá
265	24611130	Phạm Nhật	Hào	27/11/2006	20CKD05	8.0	Giỏi
266	24611124	Mai Thị Thu	Hiền	29/12/2004	20CKD05	8.9	Giỏi
267	24611122	Nguyễn Thị	Hiếu	10/12/2006	20CKD05	9.3	Giỏi
268	24611126	Ngô Kim	Khải	04/02/2006	20CKD05	6.9	Trung bình
269	24611151	Lê Ngọc	Lam	28/08/2006	20CKD05	8.5	Giỏi
270	24611147	Cao Nguyễn Khánh	Linh	30/04/2005	20CKD05	7.7	Khá
271	24611139	Đặng Hoàng Gia	Long	18/08/2006	20CKD05	8.0	Giỏi
272	24611137	Nguyễn Ngọc Diễm	My	13/05/2006	20CKD05	8.3	Giỏi
273	24611132	Huỳnh Thanh Như	Ngọc	12/09/2004	20CKD05	8.9	Giỏi
274	24611135	Phan Huỳnh Bảo	Ngọc	07/02/2006	20CKD05	8.3	Giỏi
275	24611143	Hà Bích	Ngọc	11/12/2006	20CKD05	8.1	Giỏi
276	24611127	Trần Kim	Nhung	16/03/2006	20CKD05	8.9	Giỏi
277	24611140	Lê Nguyễn Hà Vỹ	Như	16/08/2006	20CKD05	8.2	Giỏi
278	24611131	Dương Thị Cẩm	Tiên	03/01/2005	20CKD05	9.1	Giỏi
279	24611142	Nguyễn Thị	Tú	14/09/2006	20CKD05	9.3	Giỏi
280	24611123	Đình Phạm Quốc	Thịnh	10/04/2006	20CKD05	8.5	Giỏi
281	24611133	Trần Thị Thùy	Trang	22/11/2006	20CKD05	8.5	Giỏi
282	24611136	Phạm Thị Mỹ	Trinh	12/09/2006	20CKD05	9.3	Giỏi
283	24611153	Nguyễn Mộng Kiều	Trinh	13/01/2006	20CKD05	9.1	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
284	24611150	Ngô Tạ Thủy	Trúc	30/09/2006	20CKD05	7.6	Khá
285	24611146	Huỳnh Quán	Uy	30/10/2006	20CKD05	8.5	Giỏi
286	24611152	Ngô Cao Thị Ánh	Vân	27/05/2006	20CKD05	9.1	Giỏi
287	24611138	Nguyễn Phạm Thảo	Vy	28/09/2003	20CKD05	8.3	Giỏi
288	24611128	Lê Hoàng Hạ	Vy	05/01/2005	20CKD05	8.3	Giỏi
289	24611164	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/12/2006	20CKD06	8.3	Giỏi
290	24611155	Lương Thục	Ân	27/06/2006	20CKD06	8.5	Giỏi
291	24611159	Ngô Trần Kiều	Duyên	02/03/2006	20CKD06	9.4	Giỏi
292	24611177	Trần Quốc	Đạt	26/11/2006	20CKD06	8.9	Giỏi
293	24611179	Nguyễn Đức Quốc	Hào	28/07/2006	20CKD06	9.0	Giỏi
294	24611169	Dương Mỹ	Hiền	13/01/2006	20CKD06	8.8	Giỏi
295	24611183	Phạm Trung	Hiếu	01/06/2006	20CKD06	8.7	Giỏi
296	24611178	Nguyễn Đức Quốc	Hoàn	28/07/2006	20CKD06	8.7	Giỏi
297	24611174	Nguyễn Huỳnh Duy	Khang	09/01/2006	20CKD06	9.1	Giỏi
298	24611172	Đỗ Trúc	Linh	24/10/2004	20CKD06	8.1	Giỏi
299	24611176	Nguyễn Tài	Lộc	03/04/2006	20CKD06	8.5	Giỏi
300	24611167	Bùi Thị Thanh	Ngân	04/04/2005	20CKD06	7.9	Khá
301	24611173	Lê Bá Khánh	Nguyên	12/08/2006	20CKD06	9.3	Giỏi
302	24611175	Trần Phan Yên	Nhi	01/05/2006	20CKD06	9.1	Giỏi
303	24611165	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	01/10/2006	20CKD06	9.4	Giỏi
304	24611154	Nguyễn Thành Tấn	Phát	23/11/2006	20CKD06	8.7	Giỏi
305	24611170	Dương Mỹ	Phụng	11/12/2006	20CKD06	8.9	Giỏi
306	24611160	Huỳnh Thị Ngọc	Tú	08/12/2006	20CKD06	6.7	Trung bình
307	24611157	Nguyễn Ngọc	Trâm	10/12/2006	20CKD06	8.5	Giỏi
308	24611181	Nguyễn Thiên	Triệu	24/08/2006	20CKD06	7.7	Khá
309	24611163	Trần Bảo	Vy	20/01/2006	20CKD06	8.3	Giỏi
310	24611161	Trần Xuân	Yên	28/09/2006	20CKD06	9.0	Giỏi
311	24611193	Lê Thị	Dung	05/04/2006	20CKD07	8.9	Giỏi
312	24611202	Nguyễn Mỹ	Duyên	04/01/2006	20CKD07	8.4	Giỏi
313	24611200	Võ Phạm Hồng	Đào	31/10/2006	20CKD07	8.8	Giỏi
314	24611188	Nguyễn Trương Hoàng	Gia	23/06/2005	20CKD07	8.9	Giỏi
315	24611206	Lục Gia	Huy	19/11/2006	20CKD07	6.3	Trung bình
316	24611187	Trần Thị Ngọc	Huyền	08/05/2006	20CKD07	7.5	Khá
317	24611208	Nguyễn Ngọc	Huyền	23/07/2006	20CKD07	8.3	Giỏi
318	24611212	Võ Thị Tố	Kha	28/11/2006	20CKD07	8.7	Giỏi
319	24611194	Lê Thị Kim	Luyến	20/02/2006	20CKD07	8.9	Giỏi
320	24611197	Nguyễn Thị Trà	My	01/02/2005	20CKD07	8.5	Giỏi
321	24611189	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	20/04/2006	20CKD07	8.9	Giỏi
322	24611201	Nguyễn Quỳnh	Như	17/07/2006	20CKD07	8.4	Giỏi
323	24611204	Cao Võ Ngọc	Như	06/08/2006	20CKD07	8.9	Giỏi
324	24611211	Hồ Thị Cẩm	Như	11/04/2006	20CKD07	8.8	Giỏi
325	24611191	Hoàng Thanh	Phong	30/12/2006	20CKD07	8.4	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
326	24611210	Lê Minh	Phúc	30/10/2005	20CKD07	8.6	Giỏi
327	24611196	Trần Đức	Phương	17/03/2006	20CKD07	8.5	Giỏi
328	24611195	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	19/07/2006	20CKD07	8.7	Giỏi
329	24611190	Nguyễn Thị	Thảo	02/01/2006	20CKD07	7.9	Khá
330	24611213	Phạm Chí	Thức	01/09/2005	20CKD07	8.4	Giỏi
331	24611203	Nguyễn Ngọc Kim	Trân	24/03/2006	20CKD07	8.8	Giỏi
332	24611209	Nguyễn Lê Minh	Trí	17/04/2006	20CKD07	8.5	Giỏi
333	24611198	Phạm Nhật Trúc	Uyên	19/11/2006	20CKD07	8.5	Giỏi
334	24611186	Phạm Quốc	Việt	14/04/2005	20CKD07	7.5	Khá
335	24611220	Lý Quốc	Bình	15/03/2004	20CKD08	9.0	Giỏi
336	24611218	Chung Diệu	Dinh	02/01/2002	20CKD08	9.6	Giỏi
337	24611236	Nguyễn Hữu	Hoàng	22/03/2003	20CKD08	8.5	Giỏi
338	24611215	Trần Ngọc	Huy	26/12/2002	20CKD08	8.7	Giỏi
339	24611224	Nguyễn Duy	Khang	07/05/2005	20CKD08	8.9	Giỏi
340	24611219	Mai Tấn	Lộc	30/10/2006	20CKD08	8.9	Giỏi
341	24611233	Tất Huệ	Mẫn	09/12/2006	20CKD08	9.1	Giỏi
342	24611230	Nguyễn Trúc Ánh	Ngọc	15/04/2006	20CKD08	7.9	Khá
343	24611217	Văn Thị Yến	Nhi	17/07/2006	20CKD08	9.1	Giỏi
344	24611227	Dương Thị Huỳnh	Như	17/08/2004	20CKD08	8.1	Giỏi
345	24611222	Võ Như Minh	Tiên	03/04/2003	20CKD08	8.1	Giỏi
346	24611214	Lâm Gia	Toàn	15/03/2004	20CKD08	7.0	Khá
347	24611229	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	12/05/2006	20CKD08	8.2	Giỏi
348	24611225	Tạ Ngọc Anh	Thư	21/08/2003	20CKD08	8.8	Giỏi
349	24611232	Vương Phú	Trinh	11/03/2006	20CKD08	7.0	Khá
350	24622016	Nguyễn Huỳnh	Như	08/03/2006	20CKR01	6.1	Trung bình
351	24622012	Nguyễn Lê Phương	Uyên	25/07/2003	20CKR01	8.5	Giỏi
352	24622044	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/09/2006	20CKR02	8.1	Giỏi
353	24622058	Đàm Nguyễn Ánh	Linh	09/11/2006	20CKR02	7.3	Khá
354	24622054	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/10/2005	20CKR02	8.9	Giỏi
355	24622083	Nguyễn Đặng Thuận	An	04/11/2006	20CKR03	8.9	Giỏi
356	24622081	Võ Thị Thúy	An	10/04/2006	20CKR03	9.4	Giỏi
357	24622076	Lê Thị Lan	Anh	10/10/2006	20CKR03	7.1	Khá
358	24622070	Nguyễn Kim Ngọc	Ánh	14/11/2006	20CKR03	8.3	Giỏi
359	24622088	Lê Ngọc Tuyết	Hân	26/07/2006	20CKR03	8.9	Giỏi
360	24622085	Nguyễn Gia	Hân	11/12/2006	20CKR03	9.2	Giỏi
361	24622089	Tổng Thị Quỳnh	Hoa	24/10/1998	20CKR03	9.3	Giỏi
362	24622077	Lương Thị Như	Huỳnh	12/04/2004	20CKR03	8.9	Giỏi
363	24622065	Gip Coong	In	06/05/2006	20CKR03	8.1	Giỏi
364	24622090	Phan Hoàng Thiên	Kim	29/03/2006	20CKR03	8.7	Giỏi
365	24622087	Trần Long	Khang	04/09/2006	20CKR03	8.9	Giỏi
366	24622064	Dương Thị Quỳnh	Nhân	16/09/2005	20CKR03	8.4	Giỏi
367	24622071	Nguyễn Ngọc	Như	17/06/2006	20CKR03	8.9	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
368	24622084	Nguyễn Lưu Thanh	Phong	10/08/2005	20CKR03	8.9	Giỏi
369	24622074	Tô Nguyễn Phương	Quỳnh	26/09/2006	20CKR03	8.5	Giỏi
370	24622066	Lê Ngọc	Tuệ	03/06/2003	20CKR03	8.9	Giỏi
371	24622082	Đặng Phương	Thảo	23/01/2006	20CKR03	8.3	Giỏi
372	24622069	Lê Thị	Thơm	04/02/2006	20CKR03	8.9	Giỏi
373	24622073	Nguyễn Thị Minh	Thư	13/10/2006	20CKR03	8.5	Giỏi
374	24622078	Trần Thị Thùy	Trang	07/05/2005	20CKR03	8.4	Giỏi
375	24622075	Trần Ngọc	Uyên	26/11/2006	20CKR03	8.7	Giỏi
376	24622068	Trần Quang	Vinh	10/04/2006	20CKR03	8.5	Giỏi
377	24622102	Nguyễn Đỗ Thuý	An	03/05/2001	20CKR04	7.5	Khá
378	24622096	Trương Bảo	Ân	29/01/2006	20CKR04	9.0	Giỏi
379	24622094	Trịnh Duy	Công	13/11/2006	20CKR04	8.1	Giỏi
380	24622098	Lý Đình Ngọc	Hân	29/10/2006	20CKR04	8.9	Giỏi
381	24622091	Nguyễn Kim Bảo	Khuê	19/08/2006	20CKR04	8.5	Giỏi
382	24622093	Nguyễn Đặng Quỳnh	Như	07/03/2006	20CKR04	8.4	Giỏi
383	24622101	Huỳnh Ngọc	Tiên	11/01/2006	20CKR04	8.1	Giỏi
384	24622103	Lê Thị Phương	Thảo	02/05/2006	20CKR04	8.3	Giỏi
385	24622104	Nguyễn Ngọc	Thoa	11/06/2006	20CKR04	7.7	Khá
386	24622092	Hồ Thị Thu	Thúy	10/02/2004	20CKR04	9.3	Giỏi
387	24622100	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/04/2006	20CKR04	8.4	Giỏi
388	24622095	Đỗ Trần Ngân	Thương	29/01/2006	20CKR04	5.5	Trung bình
389	24682024	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	16/11/2006	20CKS01	8.6	Giỏi
390	24682007	Nguyễn Thái Minh	Thư	26/08/2005	20CKS01	8.6	Giỏi
391	24682043	Bùi Minh	Kha	26/12/2006	20CKS02	8.1	Giỏi
392	24682037	Trần Thị Yên	Linh	11/04/2006	20CKS02	8.6	Giỏi
393	24682087	Trần Thị Ngọc	Diệu	08/11/2006	20CKS03	8.7	Giỏi
394	24682088	Phạm Bá	Huy	10/06/2005	20CKS03	8.8	Giỏi
395	24682081	Nguyễn Quốc	Phong	30/03/2006	20CKS03	6.6	Trung bình
396	24682111	Lê Nguyễn Quốc	Cường	11/10/2006	20CKS04	8.3	Giỏi
397	24682119	Bùi Vũ Thanh	Dung	02/03/2006	20CKS04	8.6	Giỏi
398	24682114	Đỗ Ngọc	Hân	22/04/2006	20CKS04	8.5	Giỏi
399	24682104	Đào Xuân Bảo	Khang	25/09/2005	20CKS04	7.8	Khá
400	24682094	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	26/06/2006	20CKS04	8.5	Giỏi
401	24682117	Nguyễn Mai Khánh	Linh	12/11/2006	20CKS04	8.1	Giỏi
402	24682100	Nguyễn Hữu	Luyện	01/12/2006	20CKS04	8.0	Giỏi
403	24682116	Lê Võ Hoàn	Mỹ	16/01/2006	20CKS04	8.5	Giỏi
404	24682102	Ngô Nguyễn Thiên	Ngân	20/04/2006	20CKS04	8.7	Giỏi
405	24682096	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22/12/2006	20CKS04	9.1	Giỏi
406	24682092	Hàng Bảo	Nguyên	26/10/2005	20CKS04	8.3	Giỏi
407	24682113	Đinh Nữ Quỳnh	Nhi	03/03/2006	20CKS04	8.4	Giỏi
408	24682103	Trịnh Yên	Như	27/07/2006	20CKS04	8.7	Giỏi
409	24682107	Vương Lê Tấn	Tài	24/09/2004	20CKS04	8.8	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
410	24682093	Ngô Thị Thủy	Tiên	16/08/2006	20CKS04	6.8	Trung bình
411	24682120	Lê Thị Thanh	Thảo	10/02/2006	20CKS04	8.9	Giỏi
412	24682101	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	04/09/2006	20CKS04	8.7	Giỏi
413	24682105	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	10/06/2006	20CKS04	8.3	Giỏi
414	24682118	Nguyễn Hoàng Tuyết	Trâm	21/11/2006	20CKS04	8.7	Giỏi
415	24682112	Phan Bảo	Trân	30/12/2006	20CKS04	9.2	Giỏi
416	24682115	Huỳnh Chí	Vạn	24/01/2005	20CKS04	8.5	Giỏi
417	24682129	Huỳnh Nguyễn Quế	Anh	22/03/2006	20CKS05	8.5	Giỏi
418	24682148	Chu Hiểu	Ân	04/10/2006	20CKS05	8.8	Giỏi
419	24682138	Võ Thị Hoài	Diệu	27/11/2006	20CKS05	9.2	Giỏi
420	24682141	Nguyễn Quang Huy	Điền	08/01/2005	20CKS05	8.7	Giỏi
421	24682135	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	15/02/2005	20CKS05	9.3	Giỏi
422	24682136	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15/06/2006	20CKS05	8.8	Giỏi
423	24682128	Dương Văn	Hùng	15/10/2006	20CKS05	8.6	Giỏi
424	24682121	Lê Nguyễn Kim	Khanh	20/08/2006	20CKS05	8.7	Giỏi
425	24682122	Trần Thanh	Lộc	16/08/2006	20CKS05	9.0	Giỏi
426	24682144	Võ Ngọc Tú	Ngân	01/11/2006	20CKS05	8.6	Giỏi
427	24682131	Nguyễn La Hồng	Ngọc	12/09/2006	20CKS05	8.1	Giỏi
428	24682123	Lê Phạm Uyên	Nhi	31/07/2006	20CKS05	9.1	Giỏi
429	24682125	Lê Phương	Nhi	26/06/2006	20CKS05	8.7	Giỏi
430	24682147	Dương Quỳnh	Như	24/02/2006	20CKS05	8.5	Giỏi
431	24682151	Trần Quỳnh Tố	Như	05/12/2006	20CKS05	7.5	Khá
432	24682134	Nguyễn Phạm	Phát	06/09/2006	20CKS05	8.4	Giỏi
433	24682126	Nguyễn Tấn	Tài	20/04/2006	20CKS05	9.2	Giỏi
434	24682140	Thái Thị Thành	Tâm	04/08/2006	20CKS05	8.1	Giỏi
435	24682146	Nguyễn Minh	Tiến	27/03/2005	20CKS05	7.7	Khá
436	24682143	Trần Thị Thanh	Tú	03/09/2005	20CKS05	9.1	Giỏi
437	24682139	Lý Thị	Thanh	16/12/2006	20CKS05	8.5	Giỏi
438	24682127	Quách Chế	Thanh	10/11/2005	20CKS05	8.9	Giỏi
439	24682137	Trần Lê Thu	Thảo	24/02/2006	20CKS05	8.5	Giỏi
440	24682152	Trương Thùy	Trang	03/05/2006	20CKS05	7.7	Khá
441	24682130	Lê Thị Thuý	Vi	17/10/2006	20CKS05	9.2	Giỏi
442	24682145	Vũ Thiên	Vũ	09/01/2006	20CKS05	8.7	Giỏi
443	24631248	Võ Ngọc Minh	Châu	03/08/2006	20CKT01	9.3	Giỏi
444	24631251	Nguyễn Ngọc	Hân	10/01/2006	20CKT01	8.5	Giỏi
445	24631023	Nguyễn Hà Tâm	Ngân	14/07/2005	20CKT01	8.7	Giỏi
446	24631253	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	22/06/2006	20CKT01	8.5	Giỏi
447	24631247	Huỳnh Tuyết	Nhung	29/06/2006	20CKT01	6.1	Trung bình
448	24631252	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	21/07/2006	20CKT01	8.5	Giỏi
449	24631249	Nguyễn Thị Yến	Trân	27/10/2006	20CKT01	8.7	Giỏi
450	24631007	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	16/03/2001	20CKT01	9.5	Giỏi
451	24631012	Trần Thanh	Vy	24/10/2006	20CKT01	8.1	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
452	24631018	Trần Thảo	Vy	26/09/2005	20CKT01	9.3	Giỏi
453	24631250	Nguyễn Thái Thảo	Vy	11/10/2006	20CKT01	8.6	Giỏi
454	24631257	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	09/11/2006	20CKT02	8.3	Giỏi
455	24631258	Lê Vũ Nhựt	Duyên	19/02/2006	20CKT02	8.8	Giỏi
456	24631048	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	09/11/2006	20CKT02	8.3	Giỏi
457	24631256	Dương Trúc	Linh	16/10/2006	20CKT02	8.1	Giỏi
458	24631259	Phạm Thị Nhã	Phương	10/09/2006	20CKT02	8.4	Giỏi
459	24631057	Trần Thị Thùy	Trang	11/06/2006	20CKT02	8.5	Giỏi
460	24631046	Phan Bảo	Vĩ	02/07/2005	20CKT02	7.8	Khá
461	24631261	Trần Diễm	Châu	09/03/2006	20CKT03	9.1	Giỏi
462	24631262	Trần Thị Ngọc	Giàu	17/11/2006	20CKT03	9.5	Giỏi
463	24631089	Nguyễn Thị Trúc	Hồng	24/08/2005	20CKT03	8.9	Giỏi
464	24631069	Nguyễn Thị Anh	Thư	30/05/2006	20CKT03	6.3	Trung bình
465	24631065	Phan Thụy Nhã	Thư	12/02/2006	20CKT03	8.5	Giỏi
466	24631263	Mai Thị Thanh	Trúc	20/10/2006	20CKT03	9.3	Giỏi
467	24631264	Biện Thùy	Anh	10/09/2006	20CKT04	9.5	Giỏi
468	24631136	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/06/2006	20CKT05	8.3	Giỏi
469	24631265	Huỳnh Huệ	Băng	06/08/2006	20CKT05	8.9	Giỏi
470	24631267	Đồng Vô Thảo	Nguyên	15/10/2006	20CKT06	8.4	Giỏi
471	24631161	Lê Thị Bích	Nhân	16/06/2006	20CKT06	8.9	Giỏi
472	24631266	Trần Ánh	Xuân	08/05/2006	20CKT06	8.5	Giỏi
473	24631344	Dương Nguyễn Trang	Anh	28/10/2006	20CKT07	8.5	Giỏi
474	24631211	Đặng Thị Bảo	Chân	04/01/2006	20CKT07	8.7	Giỏi
475	24631182	Nguyễn Ngọc	Hân	25/04/2006	20CKT07	7.7	Khá
476	24631345	Trịnh Gia	Linh	16/11/2006	20CKT07	9.1	Giỏi
477	24631201	Huỳnh Thị Trà	My	18/09/2006	20CKT07	8.3	Giỏi
478	24631206	Lê Thị Thu	Ngân	20/04/2006	20CKT07	8.3	Giỏi
479	24631199	Phạm Gia	Nguyên	04/12/2006	20CKT07	8.7	Giỏi
480	24631200	Vô Thị Tuyết	Nhi	07/07/2006	20CKT07	8.2	Giỏi
481	24631203	Nguyễn Thị Yên	Nhi	08/08/2005	20CKT07	8.1	Giỏi
482	24631205	Nguyễn Hoàn	Sanh	06/08/2003	20CKT07	8.1	Giỏi
483	24631351	Dương Thị Kim	Thi	09/12/1999	20CKT07	8.5	Giỏi
484	24631204	Tô Lâm Hoàng	Thy	08/08/2005	20CKT07	8.6	Giỏi
485	24631208	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	05/04/2006	20CKT07	8.4	Giỏi
486	24631190	Nguyễn Thị Lan	Trinh	08/04/2006	20CKT07	8.5	Giỏi
487	24631185	Lê Thị Duy	Trúc	11/01/2005	20CKT07	8.8	Giỏi
488	24631210	Đặng Ngọc Yên	Vy	07/01/2006	20CKT07	8.3	Giỏi
489	24631215	Nguyễn Hoàng	Anh	07/06/2006	20CKT08	8.5	Giỏi
490	24631241	Phan Mỹ	Danh	13/12/2005	20CKT08	8.4	Giỏi
491	24631219	Nguyễn Trọng	Duy	29/07/2006	20CKT08	8.3	Giỏi
492	24631240	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	20/03/2006	20CKT08	8.1	Giỏi
493	24631233	Huỳnh Ngọc	Duyên	28/02/2006	20CKT08	8.3	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
494	24631222	Võ Thị	Giàu	15/10/2006	20CKT08	8.6	Giỏi
495	24631218	Lê Thị Thúy	Hằng	29/03/2006	20CKT08	8.8	Giỏi
496	24631212	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	16/07/2006	20CKT08	8.7	Giỏi
497	24631238	Thái Thị Như	Hồng	02/02/2006	20CKT08	9.2	Giỏi
498	24631224	Giang Nhật	Linh	02/12/2006	20CKT08	8.8	Giỏi
499	24631229	Tần Quế	Mỹ	10/12/2006	20CKT08	8.4	Giỏi
500	24631228	Đỗ Thị Bích	Nà	24/01/2005	20CKT08	8.3	Giỏi
501	24631237	Võ Thị Phương	Nghi	13/02/2005	20CKT08	8.6	Giỏi
502	24631234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	11/06/2006	20CKT08	8.2	Giỏi
503	24631214	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/05/2006	20CKT08	8.7	Giỏi
504	24631347	Trần Thụy Như	Quỳnh	15/07/2006	20CKT08	8.9	Giỏi
505	24631227	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15/03/2006	20CKT08	8.3	Giỏi
506	24631230	Phan Thị	Tuyền	23/11/2000	20CKT08	8.9	Giỏi
507	24631225	Ngô Thị Như	Thảo	27/08/2006	20CKT08	8.0	Giỏi
508	24631232	Bùi Thị Hồng	Thắm	06/08/2006	20CKT08	8.3	Giỏi
509	24631221	Nguyễn Ngọc Huỳnh Anh	Thư	27/08/2006	20CKT08	8.3	Giỏi
510	24631235	Huỳnh Anh	Thư	09/05/2006	20CKT08	8.5	Giỏi
511	24631231	Nguyễn Thanh Hạ	Uyên	17/03/2006	20CKT08	8.2	Giỏi
512	24631236	Lê Kiều	Vy	28/12/2006	20CKT08	8.9	Giỏi
513	24631281	Nguyễn Thị Phương	Anh	04/05/2006	20CKT09	7.9	Khá
514	24631284	Đỗ Thị Ngọc	Duyên	13/06/2006	20CKT09	8.5	Giỏi
515	24631276	Trần Thanh	Hằng	12/01/2006	20CKT09	8.5	Giỏi
516	24631289	Âu Ngọc Bảo	Hân	14/06/2006	20CKT09	9.0	Giỏi
517	24631271	Trương Thị	Hậu	08/01/2006	20CKT09	7.7	Khá
518	24631246	Lê Gia	Hiên	07/09/2006	20CKT09	8.6	Giỏi
519	24631243	Mai Thị Lan	Hương	16/03/2006	20CKT09	8.6	Giỏi
520	24631279	Trần Thị Ngọc	Kiều	26/09/2006	20CKT09	7.3	Khá
521	24631275	Võ Thị Kiều	Liên	09/01/2005	20CKT09	8.7	Giỏi
522	24631274	Néang Si	Mai	04/02/2006	20CKT09	8.6	Giỏi
523	24631280	Lưu Thảo	Ngân	31/12/2006	20CKT09	7.7	Khá
524	24631269	Nguyễn Dũng Thảo	Ngân	09/03/2006	20CKT09	8.3	Giỏi
525	24631277	Tổng Vũ Ngọc	Ngân	27/09/2006	20CKT09	8.5	Giỏi
526	24631282	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	24/09/2006	20CKT09	8.9	Giỏi
527	24631270	Thỏ Đặng Thanh	Nhã	12/11/2006	20CKT09	8.3	Giỏi
528	24631278	Trần Thị Thanh	Nhi	27/09/2006	20CKT09	8.3	Giỏi
529	24631290	Châu Lê Mỹ	Phụng	15/02/2006	20CKT09	8.9	Giỏi
530	24631348	Phạm Nguyễn Trúc	Quỳnh	19/10/2006	20CKT09	8.8	Giỏi
531	24631291	Huỳnh Thị Ngọc	Sương	05/01/2006	20CKT09	8.5	Giỏi
532	24631273	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	13/10/2006	20CKT09	7.6	Khá
533	24631283	Võ Phương	Thư	29/09/2006	20CKT09	9.2	Giỏi
534	24631268	Nguyễn Võ Anh	Thư	14/10/2006	20CKT09	8.5	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
535	24631288	Nguyễn Hồng	Trí	31/07/2006	20CKT09	7.9	Khá
536	24631292	Thái Khánh	Vy	02/01/2006	20CKT09	7.1	Khá
537	24631244	Nguyễn Thị Như	Ý	16/02/2006	20CKT09	8.4	Giỏi
538	24631242	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	30/09/2006	20CKT09	9.0	Giỏi
539	24631287	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	15/10/2006	20CKT09	8.5	Giỏi
540	24631302	Lê Nguyên	An	13/10/2006	20CKT10	8.9	Giỏi
541	24631309	Phạm Lan	Anh	24/08/2006	20CKT10	8.5	Giỏi
542	24631296	Trịnh Thị Nhật	Băng	01/09/2006	20CKT10	8.4	Giỏi
543	24631305	Nguyễn Trí	Dũng	01/07/2004	20CKT10	8.4	Giỏi
544	24631304	Lê Phương	Duy	16/12/2006	20CKT10	8.5	Giỏi
545	24631297	Trần Thị Cẩm	Đào	17/04/2006	20CKT10	9.2	Giỏi
546	24631303	Mai Hoàng	Hải	12/07/2006	20CKT10	8.5	Giỏi
547	24631308	Trần Thị Thu	Hợp	16/01/2004	20CKT10	9.0	Giỏi
548	24631311	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/10/2006	20CKT10	8.6	Giỏi
549	24631298	Nguyễn Thị Thùy	Linh	05/10/2006	20CKT10	8.6	Giỏi
550	24631315	Phạm Huỳnh Phương	Mai	09/10/2006	20CKT10	8.7	Giỏi
551	24631312	Trương Ngọc	Mai	23/08/2006	20CKT10	8.9	Giỏi
552	24631319	Châu Thị Kim	Ngân	07/02/2006	20CKT10	9.0	Giỏi
553	24631349	Trần Thanh	Ngân	22/06/2006	20CKT10	8.4	Giỏi
554	24631307	Trình Thành	Nhân	04/07/2006	20CKT10	7.8	Khá
555	24631310	Đỗ Thị Quỳnh	Như	28/08/2006	20CKT10	7.9	Khá
556	24631318	Huỳnh Thị Hồng	Sự	26/03/2006	20CKT10	8.6	Giỏi
557	24631320	Nguyễn Thị Anh	Tư	05/10/2006	20CKT10	9.0	Giỏi
558	24631306	Nguyễn Ngọc Hải	Thanh	01/08/2006	20CKT10	9.2	Giỏi
559	24631294	Võ Ngọc Phương	Thảo	02/03/2006	20CKT10	8.9	Giỏi
560	24631299	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	22/11/2004	20CKT10	8.9	Giỏi
561	24631293	Nguyễn Thùy	Trâm	16/12/2006	20CKT10	8.3	Giỏi
562	24631313	Dương Thị Thanh	Trúc	04/07/2006	20CKT10	8.8	Giỏi
563	24631316	Trần Lâm Thanh	Trúc	13/10/2004	20CKT10	8.6	Giỏi
564	24631295	Trịnh Ngọc Yến	Vy	21/08/2006	20CKT10	8.4	Giỏi
565	24631322	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	22/04/2006	20CKT10	8.8	Giỏi
566	24631357	Văn Thị Kim	Duyên	16/08/1997	20CKT11	9.3	Giỏi
567	24631329	Đặng Thị Bé	Hai	26/10/2006	20CKT11	8.4	Giỏi
568	24631328	Nguyễn Thu	Hằng	01/01/2006	20CKT11	9.1	Giỏi
569	24631338	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	23/06/2006	20CKT11	8.5	Giỏi
570	24631358	Lưu Nguyễn Phương	Khanh	15/12/2001	20CKT11	8.6	Giỏi
571	24631333	Trương Thị Thúy	Liễu	12/08/2006	20CKT11	8.8	Giỏi
572	24631339	Hà Đỗ Quỳnh	Như	24/08/2006	20CKT11	8.5	Giỏi
573	24631359	Trần Phương	Quỳnh	22/03/2006	20CKT11	8.8	Giỏi
574	24631326	Trịnh Ngọc Diễm	Quỳnh	19/05/2006	20CKT11	8.2	Giỏi
575	24631334	Trần Ngọc	Son	28/06/2006	20CKT11	9.0	Giỏi
576	24631330	Hồ Minh	Sư	17/04/2006	20CKT11	8.8	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
577	24631335	Lý Phạm Ngọc	Thúy	13/07/2006	20CKT11	9.5	Giỏi
578	24631355	Trần Thị Mai	Trang	14/09/2006	20CKT11	8.7	Giỏi
579	24631340	Trần Thị Thu	Trang	15/01/2006	20CKT11	8.1	Giỏi
580	24631356	Trần Thị Thùy	Dương	17/10/2003	20CKT14T	8.1	Giỏi
581	24631005	Phan Thị Thu	Đông	07/01/2003	20CKT14T	9.1	Giỏi
582	24631039	La Bích	Giang	15/02/1994	20CKT14T	8.8	Giỏi
583	24631153	Phạm Hồng	Hạnh	04/07/2001	20CKT14T	8.5	Giỏi
584	24631197	Châu Thị Ngọc	Hân	14/09/2003	20CKT14T	8.9	Giỏi
585	24631158	Mai Thị Ngọc	Hiền	26/10/2005	20CKT14T	8.7	Giỏi
586	24631054	Nguyễn Phương	Hoàng	20/10/1987	20CKT14T	9.1	Giỏi
587	24631272	Lý Điền	Hoành	17/08/1999	20CKT14T	8.2	Giỏi
588	24631194	Đàm Tiêu	Kim	16/07/1998	20CKT14T	8.8	Giỏi
589	24631354	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh	15/05/2000	20CKT14T	9.1	Giỏi
590	24631226	Lâm Ái	Linh	05/02/1996	20CKT14T	8.7	Giỏi
591	24631337	Trần Thị Thanh	Mai	21/10/1997	20CKT14T	8.4	Giỏi
592	24631143	Đỗ Đào Kim	Ngân	12/07/2003	20CKT14T	8.7	Giỏi
593	24631051	Lê Bảo	Ngọc	16/08/2005	20CKT14T	8.3	Giỏi
594	24631062	Dương Kim	Ngọc	14/06/2001	20CKT14T	8.4	Giỏi
595	24631011	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	03/11/2000	20CKT14T	8.9	Giỏi
596	24631361	Lê Huỳnh	Như	23/12/2001	20CKT14T	9.1	Giỏi
597	24631216	Lưu Thị Kiều	Oanh	09/07/2001	20CKT14T	8.8	Giỏi
598	24631343	Cao Thị Trung	Quyên	23/10/2002	20CKT14T	8.5	Giỏi
599	24631360	Đồng Thị	Ty	29/06/2001	20CKT14T	9.1	Giỏi
600	24631350	Cao Nguyễn Tường	Vy	03/04/2002	20CKT14T	7.8	Khá
601	240000020	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23/12/1996	20CKTLT01	8.8	Giỏi
602	240000008	Trịnh Thị Thuý	Dương	02/06/2006	20CKTLT01	8.5	Giỏi
603	240000021	Đỗ Ngọc Thuý	Dương	17/04/2000	20CKTLT01	8.5	Giỏi
604	240000011	Nguyễn Thị Thu	Hằng	11/08/1983	20CKTLT01	8.3	Giỏi
605	240000004	Lê Mỹ	Hiền	16/05/2003	20CKTLT01	8.4	Giỏi
606	240000009	Mai Nguyễn Thanh	Hiền	05/08/1994	20CKTLT01	8.9	Giỏi
607	240000002	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	19/11/1999	20CKTLT01	9.1	Giỏi
608	240000017	Trần Thị Thanh	Hương	19/02/1992	20CKTLT01	9.1	Giỏi
609	240000005	Nguyễn Thị Thúy	Liều	27/08/1988	20CKTLT01	9.1	Giỏi
610	240000025	Nguyễn Thị	Lợi	16/12/1993	20CKTLT01	8.7	Giỏi
611	240000024	Quan Tuyết	My	06/01/1999	20CKTLT01	9.2	Giỏi
612	240000003	Trần Thị	Năm	02/11/2000	20CKTLT01	9.3	Giỏi
613	240000001	Lê Thị Yến	Nhi	28/03/1995	20CKTLT01	9.1	Giỏi
614	240000006	Đặng Thị Phước	Nhiều	26/05/1999	20CKTLT01	8.7	Giỏi
615	240000007	Nguyễn Ngọc	Nhung	02/09/2001	20CKTLT01	9.0	Giỏi
616	240000015	Nguyễn Tấn	Phúc	20/03/1998	20CKTLT01	8.2	Giỏi
617	240000018	Nguyễn Thị	Phượng	17/06/1994	20CKTLT01	9.2	Giỏi
618	240000019	Lu Ngọc	Phượng	16/05/2005	20CKTLT01	8.5	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
619	240000010	Phạm Lý	Thạch	10/10/1998	20CKTLT01	8.9	Giỏi
620	240000013	Đặng Thụy Thùy	Trang	19/08/2000	20CKTLT01	8.7	Giỏi
621	240000016	Nguyễn Thị Bích	Vân	19/02/1987	20CKTLT01	8.4	Giỏi
622	24613023	Nguyễn Hồng Ngọc	Phụng	08/09/2004	20CLG01	9.3	Giỏi
623	24613025	Võ Đa	Sin	04/08/2005	20CLG01	8.3	Giỏi
624	24613020	Đoàn Minh	Tuấn	14/02/1999	20CLG01	7.7	Khá
625	24613259	Nguyễn Vũ Ngọc	Vy	30/06/2006	20CLG01	9.2	Giỏi
626	24613043	Phạm Thị Ngọc	Hân	10/03/2005	20CLG02	8.1	Giỏi
627	24613071	Trần Thị	Hoàng	30/10/2004	20CLG03	8.8	Giỏi
628	24613078	Nguyễn Quốc	Huy	23/11/2004	20CLG03	8.3	Giỏi
629	24613073	Trần Đức	Quỳnh	01/01/2000	20CLG03	8.9	Giỏi
630	24613083	Lạc Chí	Thiện	23/12/2002	20CLG03	7.8	Khá
631	24613063	Nguyễn Thị Minh	Thư	12/03/2003	20CLG03	8.1	Giỏi
632	24613064	Phạm Đức	Trí	16/06/2003	20CLG03	8.2	Giỏi
633	24613112	Trần Khánh	Duyên	14/10/2005	20CLG04	8.4	Giỏi
634	24613276	Nguyễn Tường	Vy	18/11/2006	20CLG05	8.9	Giỏi
635	24613160	Hồ Chí	Hiếu	14/11/1998	20CLG06	9.3	Giỏi
636	24613194	Phan Ngọc Phương	Anh	27/05/2006	20CLG07	8.7	Giỏi
637	24613208	Lê Quốc	Anh	16/08/2005	20CLG07	8.7	Giỏi
638	24613200	Trần Thị Xuân	Điểm	02/03/2006	20CLG07	8.5	Giỏi
639	24613181	Huỳnh Công	Khôi	02/10/2005	20CLG07	8.7	Giỏi
640	24613196	Phạm Mai	Loan	14/02/2006	20CLG07	8.5	Giỏi
641	24613205	Lê Hữu	Lợi	22/02/2005	20CLG07	8.8	Giỏi
642	24613202	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	12/01/2006	20CLG07	9.1	Giỏi
643	24613199	Hồ Lê Trung	Nguyên	25/08/2004	20CLG07	8.7	Giỏi
644	24613198	Mai Hữu Thanh	Nhã	05/10/2006	20CLG07	9.0	Giỏi
645	24613209	Khuru Tâm	Như	01/04/2006	20CLG07	7.9	Khá
646	24613206	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	14/09/2006	20CLG07	7.4	Khá
647	24613210	Trần Thị Thùy	Trúc	02/01/2003	20CLG07	8.9	Giỏi
648	24613191	Trương Triệu	Vĩ	16/01/2006	20CLG07	8.9	Giỏi
649	24613204	Võ Thái	Vy	09/07/2006	20CLG07	8.7	Giỏi
650	24613238	Trịnh Kim	Anh	28/07/2006	20CLG08	7.3	Khá
651	24613222	Nguyễn Ngọc	Ánh	14/08/2006	20CLG08	9.1	Giỏi
652	24613232	Đặng Huỳnh Gia	Bảo	07/06/2006	20CLG08	8.4	Giỏi
653	24613228	Trần Nhật Gia	Hân	01/05/2006	20CLG08	8.7	Giỏi
654	24613234	Nguyễn Thị Kim	Hân	06/03/2006	20CLG08	9.5	Giỏi
655	24613212	Lê Trung	Hiếu	17/10/2006	20CLG08	8.6	Giỏi
656	24613224	Đặng Xuân	Hữu	24/10/2006	20CLG08	8.4	Giỏi
657	24613214	Lê Trung	Kiên	11/07/2006	20CLG08	8.5	Giỏi
658	24613227	Lê Hoàng Duy	Khánh	26/06/2005	20CLG08	8.7	Giỏi
659	24613225	Phùng Thị Yến	Linh	18/10/2006	20CLG08	8.5	Giỏi
660	24613215	Nguyễn Như	Linh	25/11/2006	20CLG08	8.1	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
661	24613216	Nguyễn Hoàng Cẩm	Ly	17/03/2006	20CLG08	8.5	Giỏi
662	24613237	Lê Mai Trà	My	31/05/2006	20CLG08	7.6	Khá
663	24613213	Lê Thị Thúy	Nga	16/09/2004	20CLG08	8.8	Giỏi
664	24613230	Phạm Gia	Nghi	19/01/2005	20CLG08	8.5	Giỏi
665	24613229	Đặng Quang	Nghĩa	17/05/2006	20CLG08	8.7	Giỏi
666	24613236	Hồ Lê Thanh	Ngọc	03/04/2006	20CLG08	9.3	Giỏi
667	24613240	Lữ Thị Hồng	Nguyên	06/09/2006	20CLG08	7.9	Khá
668	24613220	Đỗ Như	Quỳnh	14/07/2005	20CLG08	8.4	Giỏi
669	24613211	Nguyễn Dương Thanh	Tuyền	29/07/2006	20CLG08	8.0	Giỏi
670	24613235	Cao Ngọc	Tuyền	02/10/2006	20CLG08	8.8	Giỏi
671	24613217	Hoàng Ngọc Anh	Thư	10/04/2006	20CLG08	8.7	Giỏi
672	24613218	Đỗ Anh	Thư	12/07/2006	20CLG08	9.1	Giỏi
673	24613231	Bùi Nguyễn Anh	Thư	03/03/2006	20CLG08	8.2	Giỏi
674	24613221	Phạm Nhật	Trâm	28/10/2006	20CLG08	8.5	Giỏi
675	24613239	Lý Ngọc Bảo	Trân	03/03/2006	20CLG08	8.2	Giỏi
676	24613233	Trịnh Thị Thanh	Trúc	23/07/2006	20CLG08	8.3	Giỏi
677	24613219	Mai Đình	Vũ	16/07/2005	20CLG08	8.5	Giỏi
678	24613223	Võ Phùng Khánh	Vy	07/07/2006	20CLG08	8.5	Giỏi
679	24613226	Huỳnh Biện Như	Ý	30/07/2006	20CLG08	8.7	Giỏi
680	24613244	Nguyễn Minh	Châu	08/10/2006	20CLG09	7.9	Khá
681	24613247	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	08/08/2006	20CLG09	8.5	Giỏi
682	24613249	Nguyễn Ngọc	Hân	10/03/2006	20CLG09	8.1	Giỏi
683	24613256	Ngô Khải	Hoàng	14/04/2006	20CLG09	9.2	Giỏi
684	24613274	Lương Hoàng	Khang	11/02/2005	20CLG09	8.6	Giỏi
685	24613275	Cao Huy	Khang	03/09/2003	20CLG09	8.7	Giỏi
686	24613269	Nguyễn Trương Anh	Khoa	23/08/2006	20CLG09	7.8	Khá
687	24613264	Võ Thị Yến	Linh	21/08/2006	20CLG09	7.4	Khá
688	24613277	Hà Hưng	Long	08/06/2006	20CLG09	8.9	Giỏi
689	24613268	Phạm Thị Ngọc	Mai	25/03/2006	20CLG09	7.9	Khá
690	24613258	Trần Thị Kiều	Mi	16/06/2006	20CLG09	8.9	Giỏi
691	24613250	Huỳnh Khã	Mi	20/05/2006	20CLG09	8.8	Giỏi
692	24613263	Nguyễn Hoài	Phúc	07/07/2006	20CLG09	8.6	Giỏi
693	24613272	Huỳnh Thanh	Tú	24/02/2005	20CLG09	8.0	Giỏi
694	24613262	Thái Việt	Thành	25/03/2006	20CLG09	7.9	Khá
695	24613271	Nguyễn Minh	Thành	22/11/2005	20CLG09	7.4	Khá
696	24613245	Đoàn Bảo	Thịnh	15/08/2006	20CLG09	8.7	Giỏi
697	24613241	Tô Anh	Thư	21/06/2006	20CLG09	9.4	Giỏi
698	24613254	Lê Huyền	Trân	01/06/2006	20CLG09	8.7	Giỏi
699	24613243	Huỳnh Văn Ngọc	Triệu	19/06/2006	20CLG09	8.5	Giỏi
700	24613253	Tất Gia	Văn	09/07/2006	20CLG09	9.0	Giỏi
701	24613242	Nguyễn Thị Bảo	Vy	24/05/2006	20CLG09	9.1	Giỏi
702	24613265	Đỗ Thị	Yến	12/06/2004	20CLG09	9.1	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
703	24613266	Phạm Dương Ngọc	Yến	12/04/2006	20CLG09	8.3	Giỏi
704	24600072	Dương Nhật	Quang	30/11/2000	20CMG01	7.3	Khá
705	24600523	Võ Chí	Bảo	13/05/2003	20CMG02	8.4	Giỏi
706	24600476	Phạm Nông Ngọc	Hà	15/11/2006	20CMG02	7.5	Khá
707	24600521	Trần Quang	Huy	29/10/2005	20CMG02	8.1	Giỏi
708	24600473	Nguyễn Quang	Kiệt	28/01/2006	20CMG02	8.9	Giỏi
709	24600471	Nguyễn Trọng	Khoa	08/03/2006	20CMG02	8.5	Giỏi
710	24600495	Nguyễn Đăng Ngọc	Linh	20/07/2006	20CMG02	8.9	Giỏi
711	24600517	Nguyễn Ngô Trúc	Linh	11/07/2006	20CMG02	8.1	Giỏi
712	24600522	Lê Hồ Diệu	Linh	14/06/2006	20CMG02	8.8	Giỏi
713	24600524	Ngô Thị Ngọc	Mai	30/06/2006	20CMG02	8.9	Giỏi
714	24600505	Dương Tuấn	Phong	28/03/2006	20CMG02	8.4	Giỏi
715	24600457	Hoàng Minh	Quân	28/04/2006	20CMG02	6.8	Trung bình
716	24600519	Võ Thị Ánh	Sáng	17/07/2006	20CMG02	9.1	Giỏi
717	24600497	Lê Phước	Tin	01/11/2002	20CMG02	8.0	Giỏi
718	24600503	Đoàn Yến	Thảo	18/02/2006	20CMG02	9.1	Giỏi
719	24600518	Võ Phương Hồng	Thảo	08/07/2006	20CMG02	8.9	Giỏi
720	24600539	Trịnh Lâm Quỳnh	Anh	25/09/2006	20CMG03	8.0	Giỏi
721	24600547	Bùi Thị Thúy	Duyên	13/09/2005	20CMG03	8.7	Giỏi
722	24600541	Đỗ Ngọc	Hải	02/10/2004	20CMG03	8.7	Giỏi
723	24600546	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	20/09/2006	20CMG03	8.0	Giỏi
724	24600551	Nguyễn Việt	Hoàng	04/03/2002	20CMG03	8.8	Giỏi
725	24600562	Huỳnh Kim	Hồng	06/02/2004	20CMG03	8.4	Giỏi
726	24600548	Nguyễn Thị	Huyền	05/04/2005	20CMG03	8.2	Giỏi
727	24600540	Nguyễn Tuấn	Kiệt	06/10/2006	20CMG03	8.1	Giỏi
728	24600529	Nguyễn Bảo	Khang	07/03/2006	20CMG03	8.0	Giỏi
729	24661100	Trương Quốc	Khánh	01/12/2006	20CMG03	6.8	Trung bình
730	24600555	Nguyễn Hoàng	Khôi	21/06/2005	20CMG03	8.3	Giỏi
731	24600561	Bùi Ngọc Kiều	My	15/05/2005	20CMG03	7.9	Khá
732	24600564	Lý Ngọc Hồng	Nhi	26/04/2005	20CMG03	8.2	Giỏi
733	24600550	Trần Thanh	Phong	22/06/2006	20CMG03	9.2	Giỏi
734	24600563	Nguyễn Thị Hồng	Tiên	20/08/2005	20CMG03	8.5	Giỏi
735	24600531	Huỳnh Ngọc	Toàn	28/06/2005	20CMG03	8.1	Giỏi
736	24600549	Hà Thị Thanh	Tuyền	19/02/2004	20CMG03	8.9	Giỏi
737	24600560	Nguyễn Thị Kim	Thoa	26/01/2002	20CMG03	8.8	Giỏi
738	24600525	Phạm Nguyễn Anh	Thư	07/02/2006	20CMG03	8.9	Giỏi
739	24600545	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	20CMG03	8.9	Giỏi
740	24600552	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	07/02/2006	20CMG03	8.9	Giỏi
741	24600533	Phạm Thị Thùy	Vân	14/04/2006	20CMG03	8.7	Giỏi
742	24600553	Lê Ngọc Minh	Yến	25/05/2006	20CMG03	8.9	Giỏi
743	24600015	Nguyễn Châu	Phi	08/08/2004	20CMK01	8.1	Giỏi
744	24600037	Đào Huỳnh Minh	Ánh	25/11/2005	20CMK02	9.1	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
745	24600054	Huỳnh Phước	Duy	20/09/2004	20CMK02	8.3	Giỏi
746	24600039	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	24/05/2006	20CMK02	8.7	Giỏi
747	24600062	Nguyễn Thị Kiều	My	18/01/2006	20CMK02	8.8	Giỏi
748	24600055	Đặng Thị Thúy	Nhàn	07/05/2005	20CMK02	9.0	Giỏi
749	24600045	Bùi Thị Yên	Nhung	25/03/2006	20CMK02	8.2	Giỏi
750	24600059	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	13/08/2006	20CMK02	9.3	Giỏi
751	24600044	Nguyễn Cát	Tường	16/05/2006	20CMK02	8.7	Giỏi
752	24600084	Lê Xuân	Huy	26/10/2003	20CMK03	8.9	Giỏi
753	24600107	Ngô Phạm Quang	Huy	30/11/2005	20CMK03	8.9	Giỏi
754	24600112	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	17/07/2006	20CMK04	6.0	Trung bình
755	24600110	Phan Thị Tuyết	Ngọc	27/12/2003	20CMK04	8.3	Giỏi
756	24600152	Bùi Thị Sơn	Ca	20/09/2003	20CMK05	8.9	Giỏi
757	24600173	Trần Thị Ngọc	Hậu	27/05/2005	20CMK05	8.8	Giỏi
758	24600158	Nguyễn Thị Sin	Hy	30/09/2006	20CMK05	9.7	Giỏi
759	24600145	Dương Hùng Phước	Tiến	24/06/2003	20CMK05	8.7	Giỏi
760	24600142	Nguyễn Hoàng Mai	Trâm	21/09/2005	20CMK05	8.6	Giỏi
761	24600190	Nguyễn Thanh	Bình	01/01/2005	20CMK06	8.7	Giỏi
762	24600206	Nguyễn Thành	Long	19/01/2006	20CMK06	8.4	Giỏi
763	24600184	Đặng Hồ Mỹ	Nghi	16/11/2006	20CMK06	8.8	Giỏi
764	24600185	Võ Thị Minh	Quân	30/03/2006	20CMK06	8.0	Giỏi
765	24600204	Lê Thị Mộng	Tuyền	25/06/2006	20CMK06	7.2	Khá
766	24600258	Lê Thị Thanh	Bình	24/01/2006	20CMK08	8.9	Giỏi
767	24600244	Võ Thị Kim	Ngọc	22/05/2005	20CMK08	8.9	Giỏi
768	24600252	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/05/2003	20CMK08	8.7	Giỏi
769	24600291	Lê Văn	Cơ	18/10/2006	20CMK09	8.9	Giỏi
770	24600325	Đinh Hải	Phong	22/01/2006	20CMK10	9.0	Giỏi
771	24600320	Phạm Mạnh	Phúc	22/10/2004	20CMK10	8.4	Giỏi
772	24600328	Thạch Thị Kim	Xuân	23/03/2006	20CMK10	8.7	Giỏi
773	24600389	Đồng Văn	Huy	20/10/2006	20CMK12	8.8	Giỏi
774	24600383	Lưu Vạn Diệu	Huyền	01/06/2006	20CMK12	8.9	Giỏi
775	24600395	Nguyễn Thị Minh	Uyên	02/04/2006	20CMK12	8.5	Giỏi
776	24600391	Ngô Hải	Yến	17/12/2006	20CMK12	8.6	Giỏi
777	24600442	Trần Lê Hoàn	Mỹ	10/06/2006	20CMK13	8.5	Giỏi
778	24600446	Phó Trần Thúy	Vi	31/08/2005	20CMK13	8.3	Giỏi
779	24600464	Phan Ngọc Quỳnh	Anh	25/05/2006	20CMK14	8.7	Giỏi
780	24600456	Nguyễn Thành	Đạt	05/06/2006	20CMK14	8.7	Giỏi
781	24600478	Đào Thị Diễm	Hằng	17/10/2004	20CMK14	7.9	Khá
782	24600474	Trịnh Gia	Hân	10/07/2006	20CMK14	8.5	Giỏi
783	24600449	Dương Xuân	Huỳnh	21/01/2006	20CMK14	8.7	Giỏi
784	24600467	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/03/2006	20CMK14	9.3	Giỏi
785	24600466	Phạm Thị Phương	Kiều	01/12/2006	20CMK14	8.7	Giỏi
786	24600452	Huỳnh Đức Minh	Khôi	05/02/2006	20CMK14	8.7	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
787	24600485	Trần Ngọc Mai	Linh	06/11/2006	20CMK14	9.3	Giỏi
788	24600484	Trần Hoài	My	28/08/2006	20CMK14	8.7	Giỏi
789	24600458	Trần Quỳnh	Nga	25/04/2006	20CMK14	8.1	Giỏi
790	24600451	Nguyễn Hồng	Ngọc	03/11/2006	20CMK14	8.4	Giỏi
791	24600454	Trần Viễn	Phát	14/04/2005	20CMK14	8.6	Giỏi
792	24600486	Ngô Lý Trúc	Quỳnh	11/02/2006	20CMK14	8.9	Giỏi
793	24600480	Nguyễn Hồng	Sương	09/02/2006	20CMK14	9.5	Giỏi
794	24600463	Võ Thị Ngọc	Thư	21/09/2006	20CMK14	8.9	Giỏi
795	24600469	Đặng Phạm Hoài	Trang	13/03/2005	20CMK14	7.9	Khá
796	24600465	Nguyễn Hà Mỹ	Trâm	02/06/2006	20CMK14	8.2	Giỏi
797	24600481	Lâm Bảo	Trân	15/10/2006	20CMK14	8.8	Giỏi
798	24600453	Trần Đức	Trọng	12/04/2006	20CMK14	8.3	Giỏi
799	24600462	Hồ Văn	Trọng	01/08/2006	20CMK14	8.9	Giỏi
800	24600455	Phạm Thị Thu	Trúc	16/04/2003	20CMK14	8.0	Giỏi
801	24600461	Dương Nguyễn Kiều	Vân	18/02/2006	20CMK14	7.9	Khá
802	24600477	Nguyễn Lâm	Viên	16/06/2006	20CMK14	8.4	Giỏi
803	24600450	Võ Quốc	Vinh	31/03/2006	20CMK14	8.8	Giỏi
804	24600472	Trương Hoàng	Vĩnh	04/03/2004	20CMK14	8.5	Giỏi
805	24600470	Huỳnh Đặng Thảo	Vy	28/03/2005	20CMK14	8.1	Giỏi
806	24600479	Võ Thị Như	Ý	20/09/2006	20CMK14	8.2	Giỏi
807	24600504	Hoàng Hương	Bạch	16/10/2002	20CMK15	9.1	Giỏi
808	24600520	Trần Ngọc Bích	Chi	11/01/2006	20CMK15	7.0	Khá
809	24600536	Lê Dương	Hưng	19/04/2006	20CMK15	8.8	Giỏi
810	24600493	Trần Tuấn	Linh	21/09/2006	20CMK15	9.1	Giỏi
811	24600510	Cù Thị	Lý	30/08/2006	20CMK15	8.7	Giỏi
812	24600494	Trần Hạo	Nam	25/10/2006	20CMK15	8.7	Giỏi
813	24600506	Lương Ngọc Lan	Nghi	21/01/2004	20CMK15	8.7	Giỏi
814	24600512	Nguyễn Bảo Như	Ngọc	27/06/2006	20CMK15	8.9	Giỏi
815	24600487	Nguyễn Yến	Nhi	22/05/2006	20CMK15	8.6	Giỏi
816	24600489	Nguyễn Anh	Quốc	24/03/2006	20CMK15	8.9	Giỏi
817	24600516	Lê Thị Ánh	Tuyết	14/12/2006	20CMK15	8.2	Giỏi
818	24600492	Võ Văn	Thành	24/09/2006	20CMK15	8.3	Giỏi
819	24600499	Võ Trương Trọng	Thành	13/05/2005	20CMK15	8.9	Giỏi
820	24600514	Nguyễn Anh Đức	Thiện	10/07/2003	20CMK15	8.8	Giỏi
821	24600508	Lê Anh	Thư	04/11/2006	20CMK15	7.2	Khá
822	24600509	Lê Trần Minh	Thư	23/02/2006	20CMK15	8.5	Giỏi
823	24600500	Nguyễn Thị	Thương	16/06/2003	20CMK15	8.5	Giỏi
824	24600491	Nguyễn Thị Yến	Trang	20/08/2006	20CMK15	8.3	Giỏi
825	24600513	Nguyễn Trần Đức	Trí	19/03/2006	20CMK15	8.7	Giỏi
826	24600496	Trần Thị Ngọc	Trình	27/11/2006	20CMK15	8.2	Giỏi
827	24600502	Nguyễn Văn Tú	Uyên	04/12/2006	20CMK15	6.9	Trung bình
828	24600488	Nguyễn Trần Khả	Vy	03/02/2006	20CMK15	8.8	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
829	24641013	Nguyễn Việt	Anh	18/04/2001	20CQT01	8.9	Giỏi
830	24641239	Lưu Ngọc	Giàu	26/02/2006	20CQT01	7.5	Khá
831	24641002	Võ Thị Thanh	Hà	08/11/2003	20CQT01	8.9	Giỏi
832	24641010	Đinh Công	Hưng	01/06/2005	20CQT01	8.0	Giỏi
833	24641240	Trần Hứa Ngọc	Ngân	03/05/2006	20CQT01	8.1	Giỏi
834	24641242	Huỳnh Châu Văn	Thật	09/12/2006	20CQT01	8.5	Giỏi
835	24641241	Bùi Thị Diễm	Thúy	24/10/2006	20CQT01	8.4	Giỏi
836	24641243	Huỳnh Ngọc Kim	Thư	30/05/2006	20CQT01	8.6	Giỏi
837	24641003	Nguyễn Thị Phương	Trúc	25/06/2003	20CQT01	8.9	Giỏi
838	24641244	Phạm Thị Thùy	Linh	09/09/2004	20CQT02	8.2	Giỏi
839	24641049	Trần Hoàng	Long	14/05/2006	20CQT02	9.1	Giỏi
840	24641051	Võ Như	Quỳnh	04/12/2004	20CQT02	8.3	Giỏi
841	24641245	Trần Nhật	Tân	11/04/2006	20CQT02	8.7	Giỏi
842	24641032	Phạm Ngọc Thảo	Vân	30/01/2001	20CQT02	9.1	Giỏi
843	24641248	Hồ Thị Như	Bình	28/09/2004	20CQT03	6.7	Trung bình
844	24641072	Nguyễn Duy	Linh	02/11/2006	20CQT03	7.8	Khá
845	24641247	Hồ Ngọc	Linh	04/10/2006	20CQT03	8.5	Giỏi
846	24641246	Chấn Thị Kim	Ngân	22/06/2006	20CQT03	8.5	Giỏi
847	24641110	Ngô Tiên	Giàu	28/12/2006	20CQT04	8.7	Giỏi
848	24641252	Lê Đức	Mạnh	02/04/2004	20CQT04	6.1	Trung bình
849	24641251	Châu Nhuận	Phát	09/07/2006	20CQT04	8.7	Giỏi
850	24641250	Ngô Thị Mỹ	Tâm	19/12/2006	20CQT04	9.1	Giỏi
851	24641116	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	15/04/2006	20CQT04	7.9	Khá
852	24641255	Trương Ngọc Xuân	Lan	18/06/2006	20CQT05	8.4	Giỏi
853	24641144	Trần Nhật Khánh	Nam	25/12/2006	20CQT05	8.9	Giỏi
854	24641138	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	26/08/2006	20CQT05	7.1	Khá
855	24641168	Trần Lệ	Hoa	08/06/2006	20CQT06	8.9	Giỏi
856	24641161	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	20/10/2006	20CQT06	8.7	Giỏi
857	24641152	Nguyễn Quốc	Kỳ	01/04/2005	20CQT06	8.5	Giỏi
858	24641256	Hoàng Hồng Hải	Nghi	09/11/2006	20CQT06	8.9	Giỏi
859	24641180	Đặng Thị Hồng	Tuyết	01/02/2002	20CQT06	8.7	Giỏi
860	24641183	Nguyễn Thị	Ánh	08/04/2006	20CQT07	9.3	Giỏi
861	24641206	Lê Mạnh	Dũng	14/08/2006	20CQT07	8.5	Giỏi
862	24641200	Nguyễn Phước	Duy	20/01/2006	20CQT07	8.9	Giỏi
863	24641196	Nguyễn Thị Bé	Duyên	08/01/2006	20CQT07	8.7	Giỏi
864	24641193	Đoàn Thành	Đức	24/12/2006	20CQT07	8.3	Giỏi
865	24641199	Võ Vũ	Đường	17/12/2003	20CQT07	8.5	Giỏi
866	24641186	Nguyễn Gia	Hân	09/10/2005	20CQT07	8.0	Giỏi
867	24641195	Huỳnh Ngọc	Hân	12/05/2006	20CQT07	8.8	Giỏi
868	24641210	Nguyễn Ngọc	Hiền	13/01/2006	20CQT07	8.1	Giỏi
869	24641198	Nguyễn Ngọc	Hy	06/08/2006	20CQT07	8.9	Giỏi
870	24641192	Lâm Tú	Ngân	09/07/2002	20CQT07	8.9	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
871	24641207	Đoàn Nguyễn Thành	Nhân	17/10/2005	20CQT07	8.7	Giỏi
872	24641182	Trần Ngọc Quỳnh	Như	30/09/2005	20CQT07	8.1	Giỏi
873	24641205	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	21/08/2006	20CQT07	8.0	Giỏi
874	24641209	Phan Nguyễn Nhật	Quỳnh	08/08/2005	20CQT07	8.3	Giỏi
875	24641202	Tổng Trần Cẩm	Tiên	11/06/2006	20CQT07	8.6	Giỏi
876	24641184	Trương Thị Thanh	Thảo	12/05/2005	20CQT07	8.9	Giỏi
877	24641334	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	01/02/2005	20CQT07	8.7	Giỏi
878	24641194	Hồ Ngọc Mỹ	Trang	25/05/2006	20CQT07	8.6	Giỏi
879	24641333	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	15/09/2005	20CQT07	8.9	Giỏi
880	24641188	Nguyễn Minh	Triết	18/07/2006	20CQT07	8.7	Giỏi
881	24641191	Châu Thị Thanh	Trúc	05/04/2006	20CQT07	8.8	Giỏi
882	24641225	Nguyễn Ngọc	An	28/09/2006	20CQT08	8.4	Giỏi
883	24641235	Nguyễn Hồng	Anh	25/08/2006	20CQT08	9.2	Giỏi
884	24641237	Đặng Lý Kim	Anh	31/08/2006	20CQT08	8.7	Giỏi
885	24641217	Thôi Hoàng	Châu	29/07/2006	20CQT08	9.5	Giỏi
886	24641236	Phạm Chấn	Hưng	16/11/2006	20CQT08	8.7	Giỏi
887	24641231	Trương Quang	Kiệt	09/06/2006	20CQT08	9.1	Giỏi
888	24641238	Trương Hoàng Mỹ	Kim	23/05/2006	20CQT08	8.7	Giỏi
889	24641258	Võ Minh	Kha	30/06/2001	20CQT08	9.1	Giỏi
890	24641216	Hồ Thị Bích	Loan	12/10/2006	20CQT08	9.1	Giỏi
891	24641226	Nguyễn Phi	Long	06/09/2003	20CQT08	8.7	Giỏi
892	24641229	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/03/2006	20CQT08	9.1	Giỏi
893	24641257	Phạm Nguyễn Thùy	Ngân	27/10/2006	20CQT08	8.4	Giỏi
894	24641232	Lâm Thị Mỹ	Nhi	20/01/2006	20CQT08	7.3	Khá
895	24641234	Lê Hoàng Bảo	Nhi	13/04/2006	20CQT08	7.9	Khá
896	24641224	Bùi Như	Quỳnh	02/10/2006	20CQT08	9.0	Giỏi
897	24641227	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/10/2006	20CQT08	7.5	Khá
898	24641222	Nguyễn Kim	Sen	27/12/2006	20CQT08	9.0	Giỏi
899	24641220	Thiều Thị	Thu	20/10/2006	20CQT08	7.7	Khá
900	24641214	Nguyễn Thị Thu	Thủy	24/02/2006	20CQT08	8.1	Giỏi
901	24641223	Nguyễn Thanh	Thư	03/09/2006	20CQT08	8.8	Giỏi
902	24641213	Vương Thị Hoài	Thương	11/08/2006	20CQT08	8.5	Giỏi
903	24641228	Võ Đặng	Trường	20/10/2006	20CQT08	8.9	Giỏi
904	24641336	Nguyễn Xuân Thúy	Uyên	20/09/2004	20CQT08	8.1	Giỏi
905	24641233	Đoàn Hoàng	Xuân	03/01/2006	20CQT08	8.8	Giỏi
906	24641269	Hà Ngọc	Châu	25/10/2006	20CQT09	8.1	Giỏi
907	24641311	Đào Nguyễn Thùy	Dương	11/09/2006	20CQT09	8.9	Giỏi
908	24641340	Nguyễn Thanh	Đạt	16/09/2006	20CQT09	8.8	Giỏi
909	24641267	Đặng Phạm Gia	Hân	28/10/2006	20CQT09	8.0	Giỏi
910	24641270	Trần Thị Mỹ	Huyền	30/03/2006	20CQT09	9.1	Giỏi
911	24641280	Lâm Thị Mỹ	Hương	10/10/2006	20CQT09	8.7	Giỏi
912	24641341	Trần Anh	Kiệt	01/04/2006	20CQT09	8.4	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
913	24641268	Trần Thanh	Lam	30/08/2006	20CQT09	8.3	Giỏi
914	24641283	Nguyễn Thị	Na	03/11/2006	20CQT09	9.1	Giỏi
915	24641288	Trần Thị Kim	Ngân	27/08/2006	20CQT09	8.5	Giỏi
916	24641273	Trần Khánh	Ngọc	22/11/2006	20CQT09	8.6	Giỏi
917	24641277	Lê Trần Tuyết	Nhi	20/05/2006	20CQT09	8.7	Giỏi
918	24641264	Võ Thị Kim	Phương	12/03/2006	20CQT09	6.9	Trung bình
919	24641262	Nguyễn Ngọc Thu	Tuyết	23/01/2006	20CQT09	8.5	Giỏi
920	24641260	Đặng Thanh	Thùy	24/08/2006	20CQT09	8.9	Giỏi
921	24641272	Trần Nguyễn Anh	Thư	26/09/2006	20CQT09	8.9	Giỏi
922	24641285	Trần Võ Anh	Thư	14/09/2006	20CQT09	9.0	Giỏi
923	24641265	Trần Minh	Thư	28/07/2006	20CQT09	8.6	Giỏi
924	24641261	Võ Thị Huyền	Trân	11/07/2006	20CQT09	8.8	Giỏi
925	24641297	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	16/06/2006	20CQT10	8.5	Giỏi
926	24641309	Lê Văn Nguyên	Hoàng	10/11/2006	20CQT10	9.0	Giỏi
927	24641317	Lê Thị Kim	Liên	18/03/2006	20CQT10	8.9	Giỏi
928	24641315	Nguyễn Thị Trúc	Ly	30/04/2006	20CQT10	8.5	Giỏi
929	24641299	Tìn Gia	Nghi	14/08/2006	20CQT10	9.1	Giỏi
930	24641298	Vĩnh Công Huyền Tôn Nữ Bích	Ngọc	29/05/2006	20CQT10	8.4	Giỏi
931	24641295	Nguyễn Ngọc	Như	19/08/2006	20CQT10	8.5	Giỏi
932	24641351	Phạm Tấn	Phước	11/06/2004	20CQT10	8.9	Giỏi
933	24641296	Phạm Phú	Quốc	21/06/2006	20CQT10	9.0	Giỏi
934	24641308	Nguyễn Tấn	Tài	25/06/2006	20CQT10	8.9	Giỏi
935	24641307	Võ Đoàn Minh	Thư	13/02/2006	20CQT10	8.3	Giỏi
936	24641310	Đào Thị Minh	Thư	22/10/2006	20CQT10	9.4	Giỏi
937	24641294	Nguyễn Nguyễn Hoài	Thương	18/11/2006	20CQT10	8.9	Giỏi
938	24641290	Trần Kiến	Trang	30/10/2003	20CQT10	9.3	Giỏi
939	24641289	Nguyễn Thị Huyền	Trân	27/08/2006	20CQT10	8.6	Giỏi
940	24641291	Ngô Nhã	Trân	20/01/2004	20CQT10	7.3	Khá
941	24641313	Phạm Phước	Trọng	24/09/2005	20CQT10	8.2	Giỏi
942	24641316	Phan Thị Phương	Uyên	13/05/2006	20CQT10	8.5	Giỏi
943	24641303	Trần Lưu	Vĩnh	05/02/1999	20CQT10	8.7	Giỏi
944	24641324	Lại Thị Vân	Anh	01/12/2005	20CQT11	8.2	Giỏi
945	24641328	Nguyễn Thái Vân	Anh	13/12/2005	20CQT11	8.1	Giỏi
946	24641357	Nguyễn Thành	Đạt	06/05/2005	20CQT11	8.6	Giỏi
947	24641361	Nông Thị Thúy	Hà	21/01/2006	20CQT11	9.1	Giỏi
948	24641345	Lê Nguyễn Bảo	Hân	27/01/2006	20CQT11	9.1	Giỏi
949	24641342	Tô Thị	Hoà	13/03/2006	20CQT11	8.5	Giỏi
950	24641368	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	11/02/2001	20CQT11	8.7	Giỏi
951	24641321	Thái Thị Tuyết	Nga	14/12/2006	20CQT11	8.7	Giỏi
952	24641367	Đoàn Trung	Nghĩa	23/10/2006	20CQT11	8.6	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
953	24641327	Lê Xuân	Nghĩa	04/01/2004	20CQT11	8.5	Giỏi
954	24641322	Vũ Thị Bảo	Nhi	26/12/2006	20CQT11	8.1	Giỏi
955	24641323	Vũ Thị Quỳnh	Như	26/12/2006	20CQT11	8.5	Giỏi
956	24641346	Trần Dương Quốc	Tài	11/01/2004	20CQT11	8.9	Giỏi
957	24641364	Bùi Ngọc Đan	Tuyền	16/09/2006	20CQT11	8.1	Giỏi
958	24641348	Lê Thị Kiều	Trang	23/07/2006	20CQT11	8.8	Giỏi
959	24641356	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	07/01/2006	20CQT11	8.5	Giỏi
960	24641330	Nguyễn Hồ Thanh	Trúc	04/07/2006	20CQT11	8.0	Giỏi
961	24641329	Dương Thị	Uyên	20/04/2006	20CQT11	8.7	Giỏi
962	24641326	Bùi Tường	Vy	10/05/2003	20CQT11	9.1	Giỏi
963	24641347	Vũ Châu Phụng	Yến	06/10/2006	20CQT11	8.6	Giỏi
964	24641372	Trần Lý Gia	Huy	20/05/2001	20CQT12	9.1	Giỏi
965	24641369	Trần Nhật	Phong	18/07/2006	20CQT12	8.7	Giỏi
966	24641108	Trần Thị Mỹ	Duyên	17/07/2006	20CQT21T	6.5	Trung bình
967	24641197	Đặng Nguyễn Hải	Đặng	14/09/2006	20CQT21T	7.7	Khá
968	24641343	Nguyễn Anh	Khôi	21/08/2005	20CQT21T	8.3	Giỏi
969	24641044	Lý Tiểu	Lam	19/05/1998	20CQT21T	7.6	Khá
970	24641018	Lưu Nguyễn Hoàng	Linh	22/09/1996	20CQT21T	8.5	Giỏi
971	24641271	Trần Kim	Ngân	14/12/2002	20CQT21T	7.1	Khá
972	24641377	Lê Thị Kim	Ngân	27/01/1996	20CQT21T	8.1	Giỏi
973	24641104	Trịnh Ngọc	Nhi	28/12/2006	20CQT21T	8.8	Giỏi
974	24641359	Vô Kim	Phụng	26/02/1999	20CQT21T	8.5	Giỏi
975	24641211	Vũ Kim Thục	Quyên	19/04/2002	20CQT21T	9.1	Giỏi
976	24641365	Đặng Minh	Tuấn	12/06/2000	20CQT21T	8.1	Giỏi
977	24641146	Nguyễn Thị	Thanh	04/03/1998	20CQT21T	7.5	Khá
978	24641185	Nguyễn Ngọc Bích	Thuận	04/05/2005	20CQT21T	8.1	Giỏi
979	24641373	Trần Thị Minh	Thư	13/07/2001	20CQT21T	8.9	Giỏi
980	24641254	Trần Nguyễn Anh	Thư	21/07/2003	20CQT21T	8.9	Giỏi
981	24641212	Trịnh Minh	Trúc	14/10/2006	20CQT21T	8.1	Giỏi
982	24641102	Huỳnh Thị Mỹ	Xuyên	02/10/2006	20CQT21T	7.1	Khá
983	24662023	Lý Kỳ	Lạc	26/11/2006	20CSI01	8.3	Giỏi
984	24662008	Lê Đức	Lộc	15/05/2006	20CSI01	8.3	Giỏi
985	24662030	Nguyễn Ngọc	Mỹ	26/01/2006	20CSI01	7.1	Khá
986	24662025	Lữ Bảo	Phúc	24/11/2005	20CSI01	7.9	Khá
987	24662027	Huỳnh Khánh	Tiền	05/08/2005	20CSI01	8.8	Giỏi
988	24662028	Hà Lê Hưng	Thịnh	25/10/2006	20CSI01	8.6	Giỏi
989	24661101	Nguyễn Tuấn	Anh	24/12/2005	20CSI02	8.6	Giỏi
990	24662035	Thái Hoàng	Gia	17/05/2006	20CSI02	8.6	Giỏi
991	24662034	Hứa Đăng	Khoa	15/06/2006	20CSI02	8.5	Giỏi
992	24662036	Huỳnh Văn Phước	Lợi	27/12/2002	20CSI02	8.1	Giỏi
993	24662033	Huỳnh Hiếu	Nghĩa	20/10/2006	20CSI02	8.6	Giỏi
994	24662039	Nguyễn Minh	Tâm	20/06/2003	20CSI02	8.9	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
995	24662031	Phạm Minh	Trọng	17/09/2006	20CSI02	8.4	Giỏi
996	24621011	Lê Hồng	Chánh	13/01/2001	20CTA01	9.5	Giỏi
997	24621019	Lê Phan Bảo	Ngọc	03/08/2004	20CTA01	8.5	Giỏi
998	24621027	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	06/04/2006	20CTA01	9.3	Giỏi
999	24621002	Đào Thị Huyền	Trang	19/09/1998	20CTA01	9.2	Giỏi
1000	24621016	Nguyễn Nhật Thảo	Uyên	28/08/2006	20CTA01	8.8	Giỏi
1001	24621009	Ngô Trường	Vũ	08/10/2004	20CTA01	8.5	Giỏi
1002	24621060	Lê Minh	Đăng	01/01/2004	20CTA02	8.3	Giỏi
1003	24621090	Nguyễn Ngọc Mai	Chi	11/10/2006	20CTA03	8.7	Giỏi
1004	24621083	Trần Ngọc	Hân	10/03/2006	20CTA03	8.7	Giỏi
1005	24621072	Vũ Đình Quang	Huy	07/01/2005	20CTA03	7.4	Khá
1006	24621089	Đào Nguyên	Khang	10/10/2006	20CTA03	8.0	Giỏi
1007	24621086	Võ Hoàng Hải	Li	22/06/2004	20CTA03	8.5	Giỏi
1008	24621084	Phạm Thị	Luyến	28/09/2006	20CTA03	8.6	Giỏi
1009	24621078	Lê Lâm Thành	Mộc	18/05/1996	20CTA03	7.7	Khá
1010	24621080	Lâm Bảo	Như	02/08/2006	20CTA03	8.4	Giỏi
1011	24621073	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/12/2006	20CTA03	8.5	Giỏi
1012	24621088	Cao Hoài Đăng	Quang	20/10/1999	20CTA03	8.5	Giỏi
1013	24621079	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	26/07/2006	20CTA03	8.4	Giỏi
1014	24621087	Nguyễn Minh	Sang	11/05/2006	20CTA03	7.9	Khá
1015	24621076	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/12/2006	20CTA03	9.2	Giỏi
1016	24621077	Phạm Hoàng Anh	Thi	06/06/2006	20CTA03	8.9	Giỏi
1017	24621085	Đào Danh Anh	Thư	10/02/2005	20CTA03	9.1	Giỏi
1018	24621114	Trần Thái	Du	03/03/2006	20CTA04	7.0	Khá
1019	24621112	Lâm Hồng	Đông	08/04/2005	20CTA04	7.6	Khá
1020	24621120	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/02/2006	20CTA04	8.6	Giỏi
1021	24621103	Trương Thị Ngọc	Hiền	10/10/2006	20CTA04	8.6	Giỏi
1022	24621095	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hùng	11/09/2004	20CTA04	8.4	Giỏi
1023	24621093	Trần Nguyễn Duy	Khang	22/06/2006	20CTA04	9.1	Giỏi
1024	24621108	Lê Ngọc	Khánh	18/02/2006	20CTA04	8.5	Giỏi
1025	24621117	Trần Dương Khánh	Linh	11/12/2006	20CTA04	8.8	Giỏi
1026	24621111	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23/11/2006	20CTA04	8.7	Giỏi
1027	24621118	Nguyễn Châu Kiều	Ngân	10/03/2006	20CTA04	8.3	Giỏi
1028	24621105	Phạm Đại	Ngọc	15/03/2006	20CTA04	7.6	Khá
1029	24621109	Phan Thị Thảo	Nguyên	10/12/2006	20CTA04	8.0	Giỏi
1030	24621091	Tạ Hồng	Nguyễn	19/02/2006	20CTA04	8.8	Giỏi
1031	24621102	Võ Hoàng Ngọc	Như	20/12/2005	20CTA04	8.6	Giỏi
1032	24621098	Nguyễn Minh	Nhật	10/11/2001	20CTA04	8.3	Giỏi
1033	24621094	Lê Hồ Gia	Phúc	14/03/2006	20CTA04	7.9	Khá
1034	24621113	Tăng Mỹ	Quyên	01/03/2006	20CTA04	8.5	Giỏi
1035	24621096	Võ Hoàng	Tuấn	13/06/2006	20CTA04	8.1	Giỏi
1036	24621116	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	06/07/2006	20CTA04	9.3	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
1037	24621104	Đoàn Thiên	Thiên	05/10/2005	20CTA04	9.3	Giỏi
1038	24621115	Nguyễn Hoàng	Thịnh	23/04/2006	20CTA04	8.4	Giỏi
1039	24621119	Tăng Thị Thanh	Thư	14/10/2006	20CTA04	8.4	Giỏi
1040	24621099	Trần Ngọc Anh	Thy	12/10/2006	20CTA04	9.1	Giỏi
1041	24621110	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	18/03/2006	20CTA04	8.8	Giỏi
1042	24621100	Trần Quế	Trân	17/06/2006	20CTA04	8.7	Giỏi
1043	24621092	Châu Hải	Yến	29/09/2006	20CTA04	8.6	Giỏi
1044	24621127	Nguyễn Phúc Bình	An	29/10/2006	20CTA05	8.9	Giỏi
1045	24621122	Trần Gia	Bảo	17/09/2006	20CTA05	8.7	Giỏi
1046	24621123	Lại Hữu Gia	Bảo	03/03/2006	20CTA05	7.9	Khá
1047	24621138	Trần Bửu	Châu	24/05/2006	20CTA05	7.6	Khá
1048	24621125	Hoàng Kỳ	Duyên	11/10/2006	20CTA05	8.7	Giỏi
1049	24621148	Trần Thị Cẩm	Đào	04/04/2002	20CTA05	8.5	Giỏi
1050	24621150	Thành Nữ Tâm	Đoan	25/09/2006	20CTA05	8.3	Giỏi
1051	24621124	Thái Phụng	Hoàng	11/04/2005	20CTA05	8.9	Giỏi
1052	24621136	Trần Nữ Yến	Linh	01/01/2006	20CTA05	8.5	Giỏi
1053	24621147	Trần Thị Mai	Linh	07/11/2006	20CTA05	8.5	Giỏi
1054	24621126	Trần Lê Yến	Ngân	28/08/2006	20CTA05	8.1	Giỏi
1055	24621149	Phan Thanh	Ngân	03/03/2006	20CTA05	9.3	Giỏi
1056	24621128	Bùi Lê Thụy	Nguyên	12/06/2006	20CTA05	8.1	Giỏi
1057	24621141	Nguyễn Trọng Hoài	Nguyên	12/04/2000	20CTA05	8.6	Giỏi
1058	24621132	Nguyễn Quỳnh	Như	16/05/2006	20CTA05	8.7	Giỏi
1059	24621135	Nguyễn Minh	Nhựt	04/06/2004	20CTA05	8.3	Giỏi
1060	24621145	Nguyễn Thanh	Phương	18/11/2006	20CTA05	6.6	Trung bình
1061	24621133	Vương Mỹ	Quyên	09/07/2006	20CTA05	9.3	Giỏi
1062	24621142	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	15/03/2006	20CTA05	8.6	Giỏi
1063	24621130	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	02/03/2006	20CTA05	8.5	Giỏi
1064	24621139	Trần Thanh	Trúc	04/07/2006	20CTA05	9.3	Giỏi
1065	24621137	Thắm Ngọc	Vân	23/09/2006	20CTA05	8.4	Giỏi
1066	24621131	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	16/09/2005	20CTA05	8.3	Giỏi
1067	24621143	Nguyễn Trần Thanh	Vy	04/04/2006	20CTA05	9.3	Giỏi
1068	24621144	Lê Hoàng Thảo	Vy	20/04/2006	20CTA05	8.3	Giỏi
1069	24621160	Lê Trương Lan	Anh	03/05/2006	20CTA06	8.5	Giỏi
1070	24621171	Lê Kim	Ánh	20/07/2006	20CTA06	8.6	Giỏi
1071	24621172	Nguyễn Đặng Thuỳ	Dương	20/08/2006	20CTA06	8.1	Giỏi
1072	24621156	Võ Minh	Hân	09/03/2005	20CTA06	8.5	Giỏi
1073	24621167	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/02/2006	20CTA06	8.7	Giỏi
1074	24621170	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	21/09/2006	20CTA06	8.7	Giỏi
1075	24621154	Ngô Thị Mỹ	Hiền	12/10/2006	20CTA06	8.8	Giỏi
1076	24621174	Trần Lâm Khánh	Hưng	22/03/2003	20CTA06	8.6	Giỏi
1077	24621152	Đỗ Minh	Khang	09/02/2006	20CTA06	8.3	Giỏi
1078	24621180	Nguyễn Anh	Khôi	25/12/2006	20CTA06	8.5	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
1079	24621168	Phạm Tấn	Lộc	07/01/2006	20CTA06	7.9	Khá
1080	24621175	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	09/11/2006	20CTA06	8.7	Giỏi
1081	24621158	Trần Thị Cẩm	Nhung	30/08/2004	20CTA06	8.7	Giỏi
1082	24621165	Võ Tâm	Như	24/07/2006	20CTA06	8.6	Giỏi
1083	24621169	Trần Thị Tâm	Như	14/06/2006	20CTA06	8.5	Giỏi
1084	24621173	Hà Thị Thu	Phương	26/10/2005	20CTA06	8.1	Giỏi
1085	24621157	Ngô Ái	Quỳnh	18/05/2006	20CTA06	8.6	Giỏi
1086	24621179	Bùi Huy	Sang	12/05/2006	20CTA06	8.4	Giỏi
1087	24621178	Võ Phạm Thanh	Tuyền	19/04/2006	20CTA06	8.7	Giỏi
1088	24621159	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/03/2006	20CTA06	9.0	Giỏi
1089	24621166	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	03/07/2006	20CTA06	8.6	Giỏi
1090	24621151	Đặng Lê Quỳnh	Trâm	09/11/2004	20CTA06	8.1	Giỏi
1091	24621177	Nông Ngọc	Trâm	28/05/2005	20CTA06	8.6	Giỏi
1092	24621176	Tăng Thị Quế	Trân	24/06/2006	20CTA06	9.3	Giỏi
1093	24621162	Lê Quỳnh	Uyên	08/01/2006	20CTA06	7.2	Khá
1094	24621155	Huỳnh Ngô Nhật	Vy	01/07/2006	20CTA06	8.0	Giỏi
1095	24621153	Ngô Khả	Yên	14/10/2006	20CTA06	5.2	Trung bình
1096	24621194	Đoàn Đỗ Hoàng	Anh	25/09/2006	20CTA07	7.9	Khá
1097	24621192	Nguyễn Thị Thuý	Dung	07/02/2005	20CTA07	6.1	Trung bình
1098	24621184	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	29/04/2006	20CTA07	7.8	Khá
1099	24621196	Nguyễn Thu	Hồng	07/01/2006	20CTA07	8.6	Giỏi
1100	24621203	Nguyễn Diễm	Hương	11/06/1998	20CTA07	8.3	Giỏi
1101	24621187	Trần Công Duy	Lam	26/12/2006	20CTA07	7.6	Khá
1102	24621208	Đinh Thị Trúc	Mi	28/08/2003	20CTA07	9.0	Giỏi
1103	24621189	Trần Hoài Anh	Nghĩa	30/09/2006	20CTA07	9.0	Giỏi
1104	24621204	Võ Hoàng	Nhật	19/01/2003	20CTA07	8.7	Giỏi
1105	24621199	Võ Thị Hồng	Nhung	21/01/2003	20CTA07	8.3	Giỏi
1106	24621201	Phạm Văn	Tiến	20/11/2004	20CTA07	8.2	Giỏi
1107	24621190	Bành Văn	Tòng	27/08/2001	20CTA07	8.8	Giỏi
1108	24621197	Trần Thị Thanh	Thùy	12/07/2006	20CTA07	7.7	Khá
1109	24621191	Thông Thanh	Thùy	23/01/2006	20CTA07	7.9	Khá
1110	24621205	Y Lệ	Trâm	26/07/2005	20CTA07	8.2	Giỏi
1111	24621188	Phùng Triệu	Vy	18/12/2003	20CTA07	7.8	Khá
1112	24621202	Lê Trần Kim	Yên	11/01/2006	20CTA07	9.4	Giỏi
1113	24671017	Trần Thủy Bình	An	09/09/2005	20CTX01	8.5	Giỏi
1114	24671016	Lê Quốc	Anh	12/11/2000	20CTX01	7.9	Khá
1115	24671035	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	31/12/2005	20CTX01	8.4	Giỏi
1116	24671033	Lê Huỳnh Đình	Chương	01/09/2006	20CTX01	9.0	Giỏi
1117	24671030	Hà Mỹ	Duyên	02/01/2006	20CTX01	8.6	Giỏi
1118	24671025	Nguyễn Trà	Giang	07/10/2005	20CTX01	8.8	Giỏi
1119	24671038	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/09/2005	20CTX01	8.6	Giỏi
1120	24671006	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	06/02/1998	20CTX01	8.5	Giỏi

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
1121	24671037	Cao Đỗ Nhất	Khang	13/07/2004	20CTX01	9.1	Giỏi
1122	24671001	Phạm Nguyễn Đình	Khôi	11/08/2003	20CTX01	8.5	Giỏi
1123	24671024	Trần Thị Thảo	Nguyên	20/02/2006	20CTX01	7.5	Khá
1124	24682097	Lương Tùng	Nhân	02/10/2005	20CTX01	8.6	Giỏi
1125	24671036	Đào Tuyết	Nhung	17/03/2006	20CTX01	8.6	Giỏi
1126	24671021	Võ Thị Huỳnh	Như	16/08/2006	20CTX01	8.0	Giỏi
1127	24671020	La Trọng	Phúc	13/07/2006	20CTX01	7.6	Khá
1128	24671028	Y	Quãi	01/04/1998	20CTX01	7.9	Khá
1129	24671029	Trần Thị Diễm	Quỳnh	13/11/2005	20CTX01	7.8	Khá
1130	24671031	Trần Thị Phương	Thùy	26/02/2006	20CTX01	8.3	Giỏi
1131	24671022	Trần Thị Bích	Trang	01/08/2006	20CTX01	8.1	Giỏi
1132	24671026	Nguyễn Thị Thùy	Vân	08/11/2006	20CTX01	8.3	Giỏi
1133	24671019	Nguyễn Hồng	Vân	01/08/2006	20CTX01	8.3	Giỏi
1134	24671023	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	22/05/2006	20CTX01	8.9	Giỏi
1135	24612020	Đỗ Phan Gia	Khả	21/06/2006	20CXN01	8.1	Giỏi
1136	24612009	Đặng Thành	Phú	29/08/2006	20CXN01	8.5	Giỏi
1137	24612010	Nguyễn Hồng	Phúc	22/05/2002	20CXN01	8.5	Giỏi
1138	24612002	Hồ Lê	Tâm	21/09/2003	20CXN01	7.9	Khá
1139	24612003	Nguyễn Thảo	Vy	25/07/2005	20CXN01	8.9	Giỏi
1140	24612049	Võ Hoàng Gia	Bảo	07/06/2006	20CXN02	8.1	Giỏi
1141	24612050	Nguyễn Văn	Dương	16/05/2006	20CXN02	8.9	Giỏi
1142	24612060	Trương Quốc	Huy	02/12/2006	20CXN02	8.3	Giỏi
1143	24612051	Huỳnh Trọng	Nhân	05/07/2006	20CXN02	8.5	Giỏi
1144	24612035	Vũ Hoàng Kim	Vân	21/01/2006	20CXN02	8.5	Giỏi
1145	24612068	Trịnh Hoài	An	13/04/2005	20CXN03	8.7	Giỏi
1146	24612087	Trần Nguyễn Thị Khải	Ân	17/04/2006	20CXN03	8.6	Giỏi
1147	24612073	Lê Đình	Bảo	06/10/2006	20CXN03	8.1	Giỏi
1148	24612072	Trương Thanh	Bình	21/06/2005	20CXN03	8.7	Giỏi
1149	24612090	Phạm Thị Ngọc	Hiền	25/05/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1150	24612071	Lương Thị Mỹ	Hoa	14/09/2006	20CXN03	8.4	Giỏi
1151	24612062	Trương Quang	Huy	18/07/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1152	24612066	Huỳnh Gia	Huy	18/11/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1153	24612079	Tạ Thị	Huyền	12/08/2006	20CXN03	8.3	Giỏi
1154	24612084	Nguyễn Anh	Khoa	01/08/2006	20CXN03	8.2	Giỏi
1155	24612083	Trương Thị Thùy	Linh	23/05/2004	20CXN03	6.5	Trung bình
1156	24612075	Nguyễn Vũ Đan	Linh	10/01/2006	20CXN03	8.7	Giỏi
1157	24612065	Nguyễn Thị Phương	Nghi	11/07/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1158	24612088	Đào Thị Bích	Ngọc	09/01/2006	20CXN03	8.3	Giỏi
1159	24612076	Võ Thị Tuyết	Nhung	26/06/2006	20CXN03	8.7	Giỏi
1160	24612082	Đinh Võ Thanh	Sang	20/01/2006	20CXN03	8.3	Giỏi
1161	24612081	Nguyễn Diệp Thái	Sơn	12/10/2006	20CXN03	8.0	Giỏi
1162	24612080	Vưu Nhật	Tân	13/06/2006	20CXN03	7.2	Khá

STT	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm	Xếp loại
1163	24612077	Phạm Bảo	Tiến	11/09/2005	20CXN03	8.6	Giỏi
1164	24612069	Nguyễn Đăng	Tuấn	18/05/2006	20CXN03	8.6	Giỏi
1165	24612089	Trần Duy	Tuấn	20/09/2006	20CXN03	8.3	Giỏi
1166	24612061	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	14/12/2006	20CXN03	8.0	Giỏi
1167	24612063	Ngô Hoàng	Thái	22/03/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1168	24612086	Trương Phan Anh	Thư	15/12/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1169	24612074	Nguyễn Thuỳ	Trang	07/07/2006	20CXN03	7.9	Khá
1170	24612070	Nguyễn Nhật Song	Trúc	28/07/2006	20CXN03	8.4	Giỏi
1171	24612067	Lê Ngọc Phương	Vy	22/08/2005	20CXN03	9.3	Giỏi
1172	24612085	Tổng Như	Ý	08/09/2006	20CXN03	8.5	Giỏi
1173	24612064	Huỳnh Thị Hải	Yến	14/04/2006	20CXN03	7.9	Khá
1174	24612092	Nguyễn Hoàng Quốc	Anh	01/01/2006	20CXN04	8.6	Giỏi
1175	24612113	Nguyễn Minh Hồng	Ánh	28/09/2003	20CXN04	8.9	Giỏi
1176	24612117	Lê Thị Kim	Bạc	25/12/2006	20CXN04	7.4	Khá
1177	24612091	Trần Nguyễn Ngọc	Hân	12/07/2006	20CXN04	8.7	Giỏi
1178	24612104	Hứa Thị	Hương	16/06/2006	20CXN04	8.9	Giỏi
1179	24612106	Đỗ Minh	Khải	28/09/2005	20CXN04	8.3	Giỏi
1180	24612101	Quách Thị Kim	Liên	13/04/2006	20CXN04	8.3	Giỏi
1181	24612114	Nguyễn Hồng Mỹ	Phụng	14/05/2006	20CXN04	8.5	Giỏi
1182	24612097	Phan Như	Quỳnh	18/05/2006	20CXN04	8.5	Giỏi
1183	24612116	Nguyễn Bình	Tân	16/07/2006	20CXN04	8.7	Giỏi
1184	24612103	Lưu Thụy Thủy	Tiên	21/09/2004	20CXN04	8.7	Giỏi
1185	24612112	Lê Thị Phương	Thanh	01/01/2003	20CXN04	8.5	Giỏi
1186	24612094	Nhan Lợi	Trâm	05/03/2006	20CXN04	7.9	Khá
1187	24612095	Nguyễn Võ Hoàng	Trân	07/08/2006	20CXN04	8.3	Giỏi
1188	24612099	Đỗ Ngọc Như	Ý	24/10/2006	20CXN04	8.4	Giỏi
1189	24612115	Võ Thị Kim	Yến	23/10/2006	20CXN04	8.3	Giỏi

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Tiệp